

THIÊN CỎ ANH HÙNG

Tân Thủy Hoàng

*Tổ nghiên cứu “Nhân vật thiên cổ anh hùng” của Văn
hoá Thần truyền huy hoàng 5,000 năm*

*Nguồn: **chanhkien.org** / Dịch từ: **epochtimes.com***

2024

MỤC LỤC

Lời mở đầu

Chương 1 – Tàn cuộc phân tranh, văn hóa Thần truyền

1. Đạo và Nho ra đời, học thuyết của trăm phái đua tiếng5
- 2 . Binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc 11

Chương 2 – Thiên hạ nhất thống

1. Sáu đời cần mẫn, quốc phú binh cường 13
2. Tần Thủy Hoàng ra đời, kiến lập Đại Tần 14
3. Xét người dựa trên hiền tài, tin tưởng người không nghi ngờ 25

Chương 3 (P1) – Minh chủ trị quốc, đặt nền móng cho trăm đời sau

1. Bình định thiên hạ, mở mang bờ cõi 30
2. Hoàng đế đứng đầu, sau là tam công cửu khanh 33
3. Hành chính địa phương, chế độ quận huyện 37
4. Xây dựng đường xe ngựa, mở rộng Vạn Lý Trường Thành .. 39

Chương 3 (P2) – Thống nhất chế độ và pháp luật

5. Thống nhất tiền tệ, thống nhất đo lường 44
6. Thống nhất văn tự, tạo phúc muôn đời 45
7. Xây cung lăng, dựng đài thiên văn 46
8. Lấy quan lại làm thầy, lấy pháp luật để giáo hóa 51

Chương 3 (P3) – Tôn kính Trời Đất, tín ngưỡng Thần

9. Phong Thiện tế Trời, kính Trời tín Thần 58

10. Tuần du thị sát thiên hạ, cho khắc bia đá để ca tụng công đức 60

Chương 3 (P4) – Tu hành, hoàng dương tu luyện

11. Dốc sức tu hành, hoàng dương tu luyện 67

Chương 3 (P5) – Chân tướng sự kiện “Đốt sách chôn Nho”

12. Đốt những sách tạp loại của bách gia chư tử, chôn các loại Nho thuật lừa người dối đời 75

13. Hoàn thành sứ mệnh, rút khỏi vũ đài 82

Lời kết: Đệ nhất thiên cổ Hoàng đế, tượng đài cho muôn đời sau 84

Vạn đại Thủy Hoàng đế

Bách niên chinh chiến, sinh linh đồ thán, nhất triều đắc thái bình.

Bách gia loạn thế, hoặc nhiễu chính đạo, nhất cự hóa khôi dương.

Bách phế đãi hưng, đại nghiệp sơ thủy, vạn đoan khởi chính thống.

Bách thế trúc cơ, bản chính nguyên thanh, vạn đại tán Thủy Hoàng.

Tạm dịch:

Thủy Hoàng Đế muôn đời

Trăm năm chinh chiến, khiến sinh linh lầm than, một triều được thái bình.

Học thuyết bách gia loạn thế, gây loạn nhiễu chính đạo, một đốc hóa khói bay.

Phế bỏ bách gia phục hưng giá trị, những bước đầu của đại nghiệp được thực hiện, muôn điều tệ đoan đều quay về chính thống.

Xây dựng nền tảng cho hàng trăm đời sau, quy chính về cội rễ gốc gác, đời đời ca tụng Tần Thủy Hoàng.

Lời mở đầu

Hơn 4000 năm trước, trận đại hồng thủy ngút trời trên toàn cầu đã khiến loài người gần như bị hủy diệt hoàn toàn, trên mảnh đất Thần Châu rộng lớn, Sáng Thế Chủ đã an bài cho ba vị thánh quân Nghiêu, Thuấn và Vũ đến thế gian để kế thừa nền văn minh cũ và khai phá nền văn minh mới, khai sáng ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử. Con cháu Hoa Hạ luôn nhận được sự chăm sóc của Sáng Thế Chủ, trong thời kỳ văn hóa nửa Thần nửa nhân này, nhiều vị Thần Tiên và các bậc Chân nhân đã cùng tồn tại với con người, đã truyền lại các chủng văn hóa và kỹ năng cho con người, đã tạo ra và quy phạm nên nội hàm tư tưởng và đạo đức của con người, đồng thời dạy con người rằng tu luyện, phấn bốn quy chân là nền tảng để làm người. Vào thời điểm đó, đạo đức của mọi người cực kỳ cao thượng, người tu luyện đắc Đạo thành Tiên ở đâu cũng có.

Sau thời đại của ba vị thánh quân Nghiêu, Thuấn, Vũ, con cháu Hoa Hạ lại trải qua hơn một nghìn năm của hai triều đại Hạ và Thương, thời gian trôi qua chỉ như một chớp mắt. Từ khi vua Chu Vũ Vương lập ra nhà Chu, trải qua các đời Tây Chu đến Đông Chu cho đến Đại Tần, lại thêm 800 năm bể dâu, dân tộc Hoa Hạ đã đi qua một giai đoạn lịch sử quan trọng đầy biến động đa sắc thái trong sự phân tranh quốc thổ. Đặc biệt là từ thời kỳ Xuân Thu, Chiến Quốc đến thời điểm kiến lập Đại Tần, đây là giai đoạn Ngũ Bá nổi lên, Thất Hùng tranh cường và Đại Tần nhất thống giang sơn, diễn dịch khái niệm “binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc”, cho đến

các phương thức truyền bá văn hóa tại thế gian; Đạo và Nho xuất thế, bách gia đua tiếng, cũng là để chú thích cho việc phản bốn quy chân, tu luyện đắc Đạo làm căn bản để làm người.

Tuy nhiên, quy luật “thành, trụ, hoại, diệt” của vũ trụ đã khiến đạo đức con người dần dần trượt dốc, chuẩn mực đạo đức của con người thời kỳ này đã khác xa so với thời Tam hoàng, Ngũ đế. Mỗi khi xã hội nhân loại ở trong hoàn cảnh đạo đức bại hoại như thế, Sáng Thế Chủ sẽ an bài Thần, Phật hạ thế để truyền Pháp, giảng Đạo, để quy chính đạo đức con người, dạy con người hướng thiện, phản bốn quy chân, và độ những sinh mệnh hữu duyên trở về thiên quốc. Khi Lão Tử qua cửa Hàm Cốc đi về phía Tây, Ngài đã để lại “Ngũ thiên ngôn” (5000 chữ), trong đó đã thuật rõ về kinh điển tu luyện xuất thế của Đạo gia trong kỳ văn minh nhân loại lần này. Khổng Tử chu du liệt quốc để thuyết giảng về Đạo Trung Dung, chỉnh lý các trước tác về lý niệm nhập thế của Nho gia hàng ngàn năm qua của Trung Quốc.

Do ảnh hưởng của lý Âm-Dương, Thiện-Ác, nên mọi sự đều có tương sinh tương khắc. Cuối thời Chiến Quốc, xuất hiện lý thuyết của Bách gia chur tử làm loạn nhiều thế gian, khiến cho chính lý không rõ ràng, tư tưởng rối loạn, cộng thêm hàng trăm năm chiến tranh giành giết, lòng người rất trông ngóng ngày thiên hạ thái bình an định.

Tần Vương Doanh Chính (sau này là Tần Thủy Hoàng), thuận theo thiên thời, ứng với địa lợi, hợp cùng nhân hòa, trong nháy mắt dẹp tan trăm mối loạn, trong chốc lát phục hưng trăm điều đã bị phế bỏ, nhất thống giang sơn, quay về với nguồn gốc tốt đẹp, gìn giữ chính

đạo và làm vững chắc cơ sở cho nền văn minh Hoa Hạ
cổ xưa, lập nên một tấm bia thiên thu vạn đại.

Chương 1 – Tàn cuộc phân tranh, văn hóa Thần truyền

Trong lịch sử, các dân tộc trên thế giới đều tín ngưỡng sâu sắc với Thần linh, tin rằng thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo; nhờ như vậy họ mới chủ động ước chế bản thân không làm điều xấu, mới có thể duy trì các chuẩn mực đạo đức xã hội. Khi đạo đức của con người trượt dốc và lòng tín ngưỡng với Thần suy yếu, Thần sẽ giảm bớt việc triển hiện thần tích cho con người. Tại Trung Quốc, Lão Tử xuất thế và truyền Đạo vào thời Xuân Thu, cùng với sự xuất hiện của Thích Ca Mâu Ni và Chúa Giê-su ở các nước khác, đã để nhân loại của nền văn minh lần này biết được Phật là gì, Đạo là gì, Thần là gì, làm thế nào để thông qua tu luyện “phản bốn quy chân” mà trở về thiên quốc, đồng thời khiến cho đạo đức nhân loại thăng hoa trở lại.

Sau khi đi qua giai đoạn lịch sử này, không khó để nhận ra rằng: Ngũ Bá thay nhau nổi lên thời Xuân Thu cùng với Thất Hùng tranh cường thời Chiến Quốc, cho đến Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước để thống nhất thiên hạ chính là đang diễn dịch khái niệm “binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc”.

1. Đạo và Nho ra đời, học thuyết của trăm phái đua tiếng

Trong khi liệt quốc thời Xuân Thu chiến tranh lẫn nhau, tranh hơn thua thời kỳ loạn thế, trong lúc người đời đang bị sự hỗn loạn thời cuộc này mê hoặc, Sáng Thế Chủ và các vị Thần an bài một bậc Đại Giác lặng lẽ

xuống thế gian – Lão Tử. Ngài họ Lý, tên Nhĩ, tự là Đàm, bắt đầu truyền Pháp giảng Đạo và đã để lại cho hậu thế trước tác kinh điển của Đạo gia – *Đạo Đức Kinh*.

Việc Lão Tử hạ thế độ nhân đã tiết lộ rằng mục đích cơ bản nhất của con người khi đến thế giới này là “phản bổn quy chân” (trở về bản nguyên sinh mệnh của mình). *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử, chỉ vỏn vẹn trong năm nghìn chữ, đã giảng ra chân cơ “Đạo (Pháp) sinh ra vạn vật” tại tầng thứ Như Lai, cho đến cơ chế tương sinh tương khắc lẫn nhau trong một không gian nhất định của vũ trụ, nói cho những người tu luyện rằng nếu có thể đạt đến cảnh giới “vô vi” tại thế gian mới có thể đắc Đạo, mới có thể viên mãn, mới có thể có đầy đủ các chủng thần thông mà có thể “vô bất vi” (không gì không làm, không gì không tham gia). Đại Đạo vô hình nhìn thì như là “vô vi” nhưng thực ra lại “vô bất vi”, thuận theo Đạo thì sẽ thịnh vượng, đi ngược lại Đạo thì sẽ vong. Đạo của vương giả, tư tưởng của Nho gia và cái lý dùng binh của nhà binh v.v. đã được Lão Tử gói gọn trong một vài từ.

Lão Tử biết rõ sự nguy hiểm của thế gian, và cũng biết rằng tương lai sau này sẽ có Đại Pháp của vũ trụ hồng truyền, nên ông chỉ để lại cuốn *Đạo Đức Kinh* năm nghìn chữ rồi vội vã đi về phía Tây. Do tập quán đơn truyền của Đạo gia, Lão Tử không truyền rộng Đạo để phổ độ cứu độ chúng sinh giống như Phật Thích Ca Mâu Ni hay như Chúa Giê-su đã làm. *Đạo Đức Kinh* khiến người đời sau biết thế nào là tu luyện Đạo gia. Trong hơn hai nghìn năm qua, Trung Quốc và các quốc gia khác trên thế giới đều đã tiếp thu những nội hàm chính diện từ *Đạo Đức Kinh* để áp dụng vào việc trị quốc, an dân và đối nhân xử thế.

Cùng thời kỳ với Lão Tử ở Trung Quốc, ở lục địa Nam Á đã xuất sinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Năm trăm năm sau, tại vùng đất Israel ở Tây Á cũng giáng sinh ra một Đại Giác Giả là Chúa Giê-su Kitô. Cả Lão Tử, Thích Ca và Chúa Giê-su đều chuyển sinh xuống thế gian để truyền pháp cứu người và đặt định ra văn hóa tu luyện. Nguyên nhân quan trọng là do Sáng Thế Chủ đã thấy rõ đạo đức con người đang đi đến suy bại, nên đã làm ra an bài thiên thu vạn đại này.

Ở tại tầng thấp nhất của văn hóa tu luyện Đạo gia, Khổng Tử cũng ứng với thế cuộc đó mà ra đời (552 TCN). Ông đã dẫn dắt các môn đồ chu du liệt quốc, ngàn dặm đi du thuyết, giảng giải về Đạo Trung Dung và “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” cũng như cách dựa theo các đạo lý này để làm người. Khổng Tử đã nghiên cứu sâu sắc về hệ thống chế độ lễ nghi của thời Tam đại: Hạ, Thương và Tây Chu, bắt đầu từ Đường Nghiêu và Ngu Thuấn cho đến Tần Mục Công, đem các văn hóa và lịch sử trong việc quản lý quốc gia của các bậc tiên hoàng của Hoa Hạ chỉnh lý, biên tập lại, người đời sau gọi đó là Lục kinh (sáu quyển kinh gồm: *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu*, *Kinh Nhạc*) của Nho gia.

Những gì Lão Tử giảng là phương pháp tu luyện; còn những gì Khổng Tử để lại cho con người chỉ là một phương cách làm người – tư tưởng Trung Dung. Đạo pháp và Nho lý ra đời, theo đó là bách gia chur tử cùng đồng loạt xuất hiện, khiến cho chính tà lẫn lộn, khó phân biệt thật giả. Ngoài Đạo và Nho ra, trong thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc lại còn có nhiều người đã tự thành lập gia phái riêng của mình, nhưng chủ yếu chỉ có mười mấy gia phái như: Binh gia, Mặc gia, Pháp gia,



Người thời nhà Minh vẽ bức “Khổng Tử hỏi về Lễ với Lão Tử” thuộc album “Khổng Tử thánh tích đồ”. (Ảnh: Miền công cộng)

Tung hoành gia, Âm dương gia, Danh gia, Y gia, Nông gia, Tật gia, Thư họa gia v.v.; và còn có chư tử như: Yến tử, Tôn tử, Quán tử, Trang tử, Tuân tử, Mạnh tử, Mặc tử, Quỷ cốt tử, Hàn phi tử v.v. Tất nhiên, có những người được phái đến để làm phong phú nền văn hóa

tại nhân gian, nhưng ngược lại cũng có người đến để can nhiễu, phá hoại chính Pháp chính Đạo. Vì vậy, Tần Thủy Hoàng không chỉ phải dùng vũ lực chinh phạt sáu nước, mà quan trọng hơn, là cần phải chính lại gốc rễ của phương diện tư tưởng, chỉnh lý lại để làm sáng tỏ các chính niệm, và bảo vệ nền văn hóa Thần truyền của Trung Hoa.

Trung Quốc vào cuối thời Xuân Thu, khi quần hùng trỗi dậy và bách gia đua tiếng, đã đồng thời lại xuất sinh Lão Tử và Khổng Tử. Ở châu Âu, Sáng Thế Chủ cũng đã an bài cho văn minh Hy Lạp cổ hưng khởi. Hy Lạp cổ cũng xuất sinh một số triết gia như Thales, Pythagoras, Democritus, Socrates, Plato và Aristotle. Những nhà thông thái đến từ phương Đông và phương Tây này đã tạo ra hai thể hệ văn minh lớn của nhân loại trong kỳ văn minh lần này.

Nhà tiên tri Socrates đã mở ra nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Nền văn minh Thần truyền Hy Lạp cổ đại có ảnh hưởng lớn đến đế chế La Mã sau này, khi Caesar đại đế chinh phục Địa Trung Hải và lục địa châu Âu, ông đã đưa nền văn minh Thần truyền Hy Lạp cổ đại đến Địa Trung Hải và nhiều vùng của châu Âu, đặt nền móng cho toàn bộ nền văn minh phương Tây. Caesar đại đế dùng văn trị võ công để đóng vai B trong các nhân vật AB (chú thích: vai B đóng vai trò đồng thời hoàn thiện các công việc khi vai A khởi xướng lên) trên đại vũ đài của toàn bộ lịch sử thế giới, ông đã hoàn thành vai diễn của mình và trở thành lịch sử. Theo đó, tư tưởng, triết học và văn hóa của châu Âu đã có hơn một nghìn năm phát triển, phải đến đầu thế kỷ 13, đội quân của gia tộc hoàng kim của “vị vua của thế giới” Thành Cát Tư Hãn

đã xung phá và dỡ bỏ được màn đen trước bình minh của thời kỳ Phục hưng văn nghệ châu Âu; đồng thời, cũng đã khởi tác dụng khơi mào và khai sáng cho tư tưởng châu Âu và văn nghệ của thời kỳ Phục hưng (tạm nói đến đây, sau sẽ bàn tiếp).

Toàn bộ giai đoạn lịch sử này nghiêm nhiên có vai trò tương tự như việc Đạo và Nho truyền rộng ra xã hội ở Trung Hoa, gieo mầm chính tín với Thần; Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế đã phát triển, làm rục rỡ thêm và bảo hộ một phiên bản của văn hóa Thần truyền.



*Chân dung Tần Thủy Hoàng Doanh Chính.
(Ảnh: "Tiểu đàm phong vân" của Tân Đường Nhân)*

Tần Thủy Hoàng mang thân phận cao quý là Hoàng đế, Thiên tử – con của Trời, ông gánh vác sứ mệnh quan trọng kiến lập một triều đại mới, tất cả những Lý, Pháp, Đạo ở nhân gian đều do Tần Thủy Hoàng lựa chọn và dùng. Các thế hệ sau này luôn muốn làm rõ nguồn gốc tư tưởng của Tần Thủy Hoàng rốt cuộc là từ Pháp gia, Nho gia hay là Đạo gia, Âm dương gia, v.v. nhưng vẫn luôn không có lời giải thích thực. Trên thực tế, tất cả các môn phái và tư tưởng này bày ra “chỉ để ông sử dụng và lựa chọn” mà thôi. Hệ thống pháp luật do Tần Thủy Hoàng tạo ra để giáo hóa dân chúng cũng khác với hệ thống “pháp” của các Pháp gia thời tiền Tần như Thương Ưởng đã đề xuất. Ngoài ra, sự xuất hiện của Bách gia chư tử cũng là vì để Tần Thủy Hoàng khai sáng thời kỳ văn hóa Thần truyền mới, tất cả các thế hệ thiên quốc đều muốn kết duyên với Thần Châu, mang văn hóa, tư tưởng và đặc điểm của họ nhập vào vũ đài lịch sử năm nghìn năm bày ra để ông lựa chọn.

2. Binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc

Binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc là dùng trận chiến chính nghĩa để tiêu diệt kẻ ác, các thế lực ác và các quốc gia ác, chẳng hạn như Hoàng đế thảo phạt Xi Vu, Thành Thang thảo phạt Kiệt và Võ Vương phạt Trụ v.v. Thuận theo việc đạo đức nhân loại suy thoái, thì thiên tai nhân họa, chiến tranh v.v. cũng xảy ra thường xuyên hơn. Thời Xuân Thu, Chiến Quốc và Đại Tần nhất thống giang sơn cũng chính là đang diễn dịch và quy phạm các quy tắc này.

Theo lịch sử, các chư hầu của nhà Hạ được xưng có đến vạn quốc, đến thời nhà Thương còn 3.000 nước,

đến thời nhà Chu còn 800 nước, đến thời Xuân Thu chỉ còn lại hơn 100 nước. Trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, các cuộc chiến tranh diễn ra liên miên và quy mô cũng lớn hơn. Theo ghi chép của *Tả truyện*, vào thời Xuân Thu có hơn 140 nước. Thuận theo việc ngày càng nhiều nước nhỏ bị thôn tính, về sau chỉ còn lại bảy nước tranh cường, đó là Tần, Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, cùng với một số nước nhỏ như Tống và Việt v.v. Lịch sử đã bước vào thời kỳ mà người đời sau gọi là thời Chiến Quốc. Quy mô của các cuộc chiến tranh trong thời kỳ này cũng lớn hơn; về hình thức chiến lược, ngoại giao, hợp tung, liên hoành cũng đã nâng tầm các cuộc tranh chấp giữa các nước nhỏ thành cuộc chiến của các nước lớn.

Tần Thủy Hoàng thuận thiên thời, đắc địa lợi lấy cái thế lớn như vũ bão mà nhất thống Trung Quốc, kết thúc thời Xuân Thu Chiến Quốc. Giai đoạn lịch sử này ở bề mặt dường như phức tạp và hỗn loạn, không có trật tự, qua đó Thần đã dùng những trận chiến này để dạy người đời biết như thế nào là chủ trì chính nghĩa, tôn Đạo kính Trời, xử lý việc phân tranh; đồng thời thông qua kết cục cuối cùng là Tần Thủy Hoàng nhất thống thiên hạ để khiến cho con người hiểu rõ cái lý rằng đã là ý Trời thì không thể làm trái.

Chương 2 – Thiên hạ nhất thống

1. Sáu đời cần mẫn, quốc phú binh cường

Sau khi Tần Hiếu Công kế vị vào năm 361 TCN, ông ra chiếu cầu hiền, trong một thời gian ngắn các hiền tài trong thiên hạ đều đi vào Tần. Những vị thừa tướng và các mưu sĩ mà nước Tần sử dụng phần nhiều là những “khách khanh” đến từ các nước, như Phạm Tuy, Lã Bất Vi, Lý Tư v.v. Mặc dù họ không được trọng dụng ở nước của mình, nhưng khi đến Tần họ đã trở thành các thượng khanh hoặc tướng quốc nổi danh.

Vào giữa thời Chiến Quốc có hai cường quốc ở hai cực Đông – Tây là Tề và Tần, trong đó sức mạnh quân sự của Tần là mạnh nhất. Vì vậy, các nước khác luôn cảm thấy bất an, nên đã áp dụng chiến lược “hợp tung” của Tô Tần để liên hợp với nhau chống lại nước Tần. Còn nước Tần vì để chống lại chiến lược “hợp tung” của các nước nên đã sử dụng sách lược “liên hoành” của Trương Nghi.

Từ năm 318 TCN đến năm 269 TCN, Tần và sáu nước còn lại đã trải qua một số trận chiến, nước Tần ngày càng hùng cường, mặc dù sáu nước đã nhiều lần hợp tung nhưng vẫn đều bất lực trước tiến trình đại thống nhất thiên hạ của Tần. Trải qua sáu đời tiên vương nỗ lực chăm lo chính sự, nước Tần đã trở nên nước giàu dân mạnh, đặt nền móng hoàn hảo cho Tần Thủy Hoàng nhất thống thiên hạ.

2. Tần Thủy Hoàng ra đời, kiến lập Đại Tần

Vào tháng đầu tiên của năm 259 TCN, Tần Thủy Hoàng được sinh ra ở Hàm Đan của nước Triệu, “khi được sinh ra, đặt tên là Chính, lấy họ Triệu” (trích trong *Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). *Đông Chu liệt quốc chí* cũng đã mô tả như thế này: “Khi sinh ra có ánh sáng đỏ rực trong nhà, trăm thứ chim bay đến lượn múa. Đứa bé mũi to, mắt dài, trán rộng, mỗi mắt có hai con ngươi, trong miệng đã có vài cái răng, trên lưng có vảy rồng, khóc rất to, đi ngoài đường cũng nghe tiếng”.

Từ lâu đã có lời tiên tri rằng Đại Tần sẽ sinh ra một vị Vương Chủ nhất thống thiên hạ. Ngay từ năm thứ tư của Tần Văn Công (762 TCN), người Tần đã xây dựng một thành thị tại nơi vùng đất giao giữa sông Khiên và sông Vị. Một đêm, “Tần Văn Công mơ thấy rắn vàng, thân của nó dài từ trên trời xuống mặt đất, miệng của nó cứ hướng về thành Phu. Sau khi tỉnh dậy Tần Văn Công hỏi Sử Đôn, Sử Đôn nói rằng: “Điều ấy chính là tượng trưng cho Thiên đế, Bệ hạ nên lập đàn tế nó”. Vì vậy sau đó Văn Công cho xây dựng Phu Chỉ (Phu Chỉ là tên của tế đàn), và sử dụng đại lễ tam sinh (tam sinh gồm dê, lợn, trâu) để tế tự Bạch Đế” (*Sử ký – Phong Thiệu thư*).

Vào năm Văn Công thứ 19, ông giành được “Trần Bảo”, trong *Phong Thiệu thư* có ghi như sau: “Chín năm sau khi xây dựng Phu Chỉ (nay là thuộc huyện Phú, Diên An tỉnh Thiểm Tây), Tần Văn Công lấy được một vật giống như một tảng đá, đem vào tế tự trong thành Ấp, Sơn Bắc, Trần Thương. Thần phách của nó có khi cả năm cũng không đến, có lúc trong vòng một năm lại đến mấy lần, khi đến thường đến vào ban đêm, có ánh sáng như

Sao Băng, từ hướng Đông Nam tụ hội tại thành miếu, giống như con gà trống, tiếng kêu thảm thiết vang vọng, thu hút chim trĩ và gà rừng cũng kêu theo. Khi tế tự thường lấy đầu một con vật làm lễ, từ đó nó được đặt tên là Trần Bảo”.

Theo ghi chép của *Phong Thiện thư*, “hòn đá này chất liệu như đá, hình dạng giống như lá phổi”, cho nên cũng gọi tên là “Ngọc kê” hoặc “Thạch kê”. Vì vậy Trần Bảo từ (từ đường) này cũng được gọi là “Bảo kê thần từ”. Ngày nay ở tỉnh Thiểm Tây có thành phố tên là Bảo Kê, cái tên đó là bắt nguồn từ câu chuyện này. Người nào giành được Trần Bảo sẽ có đại nghiệp làm bá chủ. “Ngoài ra, khi Tần Văn Công đi săn bắn đã săn được một con rồng đen, là điềm tượng trưng cho Thủy đức”, điều này cũng tiết lộ rằng nhà Tần ứng với “Thủy đức” sẽ thay thế cho “Hỏa” của nhà Chu (*Sử ký - Phong Thiện thư*).

Vào năm Tần Hiến Công thứ 11 (năm 374 TCN), Hiến Công gặp Chu Liệt Vương và Thái Sử Đảm. Thái Sử Đảm nói với Hiến Công: “Quan hệ giữa nhà Chu với nước Tần lúc ly lúc hợp, ly 500 năm rồi lại hợp, khi hợp được 17 năm thì sẽ xuất hiện Bá Vương”. Lời truyền rằng nước Tần sẽ xuất hiện Bá Vương và người Tần sẽ thống nhất thiên hạ từ đó được bí mật lưu truyền trong các tự vương (tự vương tức vị vua nối ngôi) của nhà Tần. Ý Trời đã như vậy rồi, sức người khó có thể kháng lại. Tần Thủy Hoàng ứng với vận mệnh đó mà ra đời, thành tựu đại nghiệp kinh thiên thống nhất giang sơn và kiến lập nên một hoàng triều đại thống nhất đầu tiên của Trung Quốc.

Tần Thủy Hoàng xuất sinh đã phải trải qua nhiều gian nan trắc trở, cuối cùng mới trở về nước Tần. Ngài

lên ngôi lúc 13 tuổi. “Năm mười ba tuổi, Trang Tương Vương chết, Doanh Chính kế vị làm Tần Vương. Lúc ấy, nhà Tần đã chiếm lĩnh đất Ba, Thục, Hán Trung, vượt qua đất Uyển và đất Dĩnh, lập ra Nam quận; phía Bắc thôn tính vùng đất từ Thượng quận kéo dài đến phía Đông, chiếm các quận Hà Đông, Thái Nguyên, Thượng Đảng; phía Đông đến Huỳnh Dương, diệt nhị Chu (là Đông Chu và Tây Chu), lập ra quận Tam Xuyên. Lã Bất Vi được phong làm Tướng quốc, cấp cho mười vạn hộ, hiệu là Văn Tín Hầu. Tần Thủy Hoàng ra sức chiêu mời tân khách du sĩ, muốn dựa vào những người này để thôn tính thiên hạ. Lý Tư làm Xá nhân, Mông Ngao, Vương Ý (còn gọi là Vương Hột), Biều Công làm tướng quân. Tần Vương tuổi còn nhỏ, lúc đầu mới lên ngôi thì việc nước đều giao cho đại thần xử lý” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*).

Trong chín năm trước khi Tần Thủy Hoàng tự mình chấp chính này, bởi vì tuổi còn quá nhỏ, việc quốc gia đại sự quan trọng đều do Tướng quốc Lã Bất Vi chủ trì.

Lã Bất Vi tổng hợp các tư tưởng và ngôn luận của Bách gia làm thành *Lã Thị Xuân Thu*. Khi Tần Thủy Hoàng trưởng thành, bắt đầu tự mình chấp chính, Lã Bất Vi bởi vì đã cùng Lao Ái, Triệu Thái hậu làm ra nhiều chuyện xấu xa ô uế, nhiều loạn hậu cung, cuối cùng sợ tội nên đã tự sát.

Năm 238 TCN, Tần Thủy Hoàng lúc đó đã 22 tuổi, làm lễ trưởng thành tại cố đô Ung Thành, đăng cơ chính thức tự mình chấp chính. “Năm thứ năm, tướng quân Mông Ngao công đánh nước Ngụy, chiếm các vùng Toan Táo, Yên, Hư, Trường Bình, Ung Khâu, Sơn Dương, chiếm được 20 thành đặt ra Đông quận, Đông lô. Năm

thứ sáu, các nước Hàn, Ngụy, Triệu, Vệ, Sở liên thủ đánh Tần, đánh chiếm Thọ Lăng. Quân Tần xuất binh, năm nước liền bãi binh rút lui. Quân Tần đánh nước Vệ, tiến sát đến Đông quận, quân chủ nước Vệ là Giác dẫn bộ thuộc chạy về Dã Vương, nhờ thế núi hiểm trở mà giữ được vùng Hà Nội của nước Ngụy. Năm thứ bảy, Sao Chổi xuất hiện, đầu tiên ở phương Đông, và sau đó xuất hiện ở phương Bắc, đến tháng năm thì xuất hiện ở



Bản đồ hình thế Tần diệt sáu nước.
(Ảnh: 竹围墙/CC BY-SA 3.0/Wikipedia)

phương Tây. Tướng quân Mông Ngao chết. Quân Tần công chiếm các vùng Long, Cô, Khánh Đô, sau lại điều quân quay về đánh huyện Cấp. Sao Chổi lại xuất hiện ở phương Tây 16 ngày. Hạ Thái hậu qua đời. Năm thứ tám, em trai Tần Vương Trường An Quân Thành Kiểu dẫn quân tập kích nước Triệu, làm phản, chết ở Đồn Lưu, tướng quân dưới trướng đều bị xử chết, bách tính toàn vùng bị đày tới Lâm Thao (Cam Túc ngày nay)” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). Tần Thủy Hoàng trong vòng 10 năm, trong đó có một năm tự mình chấp chính, ông đã nhanh chóng quyết đoán xử lý nội loạn.

Tần Thủy Hoàng tăng tốc từng bước tiêu diệt sáu nước, không cho các quốc gia cơ hội liên hợp hành động, khiến kế sách “hợp tung” đã bị phá sản triệt để. Tóm gọn chiến lược tiêu diệt sáu nước của Tần Thủy Hoàng là công phá các nước từ gần đến xa, tập trung lực lượng, công đánh từng nước một; trước tiên phía Bắc thôn tính nước Triệu, ở giữa thì đoạt lấy nước Ngụy, phía Nam lấy Hàn (chú thích: Triệu, Ngụy, Hàn là ba nước tách ra từ nước Tấn, ba nước này hình thành một vành đai chắn mặt Đông của nước Tần), rồi sau cùng mới tiến đến lấy luôn các nước Yên, Sở, Tề.

Tần Thủy Hoàng chọn lựa mục tiêu đầu tiên để đánh là nước Triệu. Lúc ấy, nước Triệu có thực lực mạnh nhất trong sáu nước, là chướng ngại lớn nhất trên con đường Đại Tần nhất thống giang sơn. Tuy nhiên thời điểm đó nước Triệu có được hai danh tướng Lý Mục, Bàng Noãn, nên quân Tần nhiều lần tiến công nước Triệu nhưng đều bị quân nước Triệu đánh lui. Đồng thời với việc dùng quân chủ lực tiến công nước Triệu, thì nước Tần cũng dùng sách lược xé nhỏ làm suy yếu nước Hàn. Năm

231 TCN, “Giả thủ” (tức quyền quân thủ) Đằng của quận Nam Dương nước Hàn dâng cho nước Tần quận Nam Dương. Tần Thủy Hoàng phong cho Đằng làm Nội sử, sau đó lại phái Đằng công chiếm nước Hàn. Tần Thủy Hoàng năm thứ 17 (năm 230 TCN) bắt sống được Hàn Vương An. Nước Hàn diệt vong.



Chân dung Vương Tiễn. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Tần Thủy Hoàng năm thứ 18 (năm 229 TCN), sai Đại tướng Vương Tiễn dẫn quân tiến công nước Triệu. Nước Triệu phái Lý Mục, Tư Mã Thượng dẫn binh kháng chống, hai bên cầm cự lẫn nhau gần một năm. Sau đó Triệu Vương tin lời sàm tấu, phái người thay thế Lý Mục sau đó xử tử Lý Mục, đồng thời cũng giết chết Tư Mã Thượng. Từ đó về sau, quân Tần như vào chỗ không người. Tần Thủy Hoàng năm thứ 19 (năm 228 TCN), quân Tần công phá Hàm Đan. Triệu Vương dâng bản đồ nước Triệu đầu hàng quân Tần. Nhưng công tử Gia lại chạy tới quận Đại (nay thuộc huyện Úy tỉnh Hà Bắc), lợi dụng tên tuổi của Lý Mục để thu phục lòng người, tự lập làm vương. Sau này, Tần Thủy Hoàng năm thứ 25 (năm 222 TCN), quân Tần khi tiêu diệt nước Yên, trở về tấn công đất Đại bắt được Gia. Đến đây, Tần đã thống nhất được phương Bắc.

Tần Thủy Hoàng năm thứ 16 (năm 231 TCN), đứng trước uy lực lớn mạnh của nước Tần, Ngụy Cảnh Mân Vương nước Ngụy đã chủ động cắt ấp Lệ cho Tần để cầu hoãn binh. Lúc này, Tần Thủy Hoàng đang bận rộn với việc diệt nước Triệu, nên không phân tán binh lực, liền tiếp nhận đất hiến của nước Ngụy. Vì vậy, nước Ngụy có thể kéo dài hơi tàn thêm mấy năm nữa.

Tần Thủy Hoàng năm thứ 22 (năm 225 TCN), quân chủ lực Tần quay xuống phương Nam tấn công nước Sở, Tần Thủy Hoàng phái Vương Bôn (có nơi chép là Vương Bí) dẫn quân bao vây kinh đô Đại Lương của nước Ngụy (nay thuộc Khai Phong Hà Nam). Quân Ngụy đóng chặt cửa thành, thủ vững không ra, quân Tần công mãi vẫn không hạ được thành. Lúc này, nước Tề thì lại án binh bất động, nước Ngụy bị cô lập không ai chi viện. Vương

Bôn thấy mưa to không ngớt nhiều ngày bèn dẫn nước sông Hoàng Hà và sông Biện để công thành. Liền ra lệnh cho quân Tần đào thành kênh, dẫn nước của hai con sông chảy thẳng vào thành Đại Lương. Thành Đại Lương đều bị nước ngập lụt, lúc ấy Ngụy Vương Giả đành phải đầu hàng, nước Ngụy từ đây cũng bị diệt vong.

Nước Sở ở phương Nam có lãnh thổ rộng lớn, sản vật phong phú, giáp sĩ có trăm vạn, nhưng bên trong thì nội loạn không ngừng, quân vương đại thần tranh quyền đoạt lợi, đấu đá lẫn nhau. Tần Thủy Hoàng năm thứ 19 (tức năm 228 TCN), Sở U Vương chết. Em trai cùng mẹ với U Vương là Do kế vị, hiệu là Ai Vương, nhưng chỉ tại vị được hai tháng, sau đó bị người anh trai khác mẹ tên là Phụ Sô giết chết. Phụ Sô trở thành Sở Vương. Phụ Sô lên ngôi được ba năm, tức Tần Thủy Hoàng năm thứ 21 (năm 226 TCN), Tần Thủy Hoàng nghe theo vị tướng trẻ Lý Tín, phái Lý Tín xuất lĩnh 20 vạn quân theo hướng Nam tấn công nước Sở. Lý Tín vì cao ngạo tự phụ, nên bị Hạng Yên và Khuất Định của Sở đánh bại. Lúc này Tần Thủy Hoàng thân giá đi gặp lão tướng Vương Tiễn, thuyết phục được Vương Tiễn dẫn 60 vạn quân Tần tấn công nước Sở.

Sau khi tiến vào được đất Sở, Vương Tiễn đã thủ thế xây đắp quân doanh kiên cố, không xuất binh giao chiến, làm quân Sở lơ là cảnh giác, lấy nhàn đánh mệt mỏi. Sau mấy năm cầm cự, quân Tần đã quen thuộc thủy thổ ở đất Sở, sĩ khí của binh lính lên cao, thể lực sung mãn, ai nấy đều bưng bưng khí thế quyết thư hùng với quân Sở. Trong khi đó, quân Sở của Hạng Yên sĩ khí suy hao, cho rằng quân Tần e sợ chiến đấu, lão tướng Vương Tiễn thì già rồi, chỉ cầu mong tự bảo vệ lấy bản thân; cộng thêm

lượng thảo thiếu thốn, vì thế đã lui binh về phía Đông. Vương Tiễn nhân đó hạ lệnh toàn quân xuất kích. Quân Tần anh dũng thiện chiến chiếm ưu thế, liên tiếp chiến thắng, một đòn phá tan quân chủ lực nước Sở, sau đó thừa cơ truy kích, giết chết thống soái quân Sở là Hạng Yên, bắt Sở Vương Phụ Sô làm tù binh. Đến đây, nước Sở diệt vong, lúc đó là năm Tần Thủy Hoàng thứ 24 (tức năm 223 TCN).

Khi đại quân của Vương Tiễn đến Tích Sơn (nay là Vô Tích), lúc toàn quân dừng lại thổi cơm thì đào được một bia cổ, trên đó viết rằng: “Hữu tích binh, thiên hạ tranh, vô tích ninh, thiên hạ thanh” (nghĩa là: Có thiếc thì nổi đao binh, thiên hạ hỗn loạn phân tranh, không có thiếc thì yên định, thiên hạ thanh bình). Hỏi dân địa phương nơi đó thì biết được, núi này bắt đầu từ thời Chu Bình Vương sản xuất chì thiếc phát triển, vì thế mà lấy tên là Tích Sơn; nhưng gần đây sản lượng ít dần, cũng không biết tấm bia này là người nào tạo ra. Vương Tiễn cảm thán nói: “Tấm bia này đã hiển lộ, thiên hạ từ đây dần dần sẽ thanh bình vậy. Đó phải chăng là cổ nhân đã biết được định số này rồi, nên chôn tẩm bia này để cảnh tỉnh hậu nhân hay sao? Sau này địa danh nơi đây đặt tên là Vô Tích”. Tên huyện Vô Tích ngày nay chính là bắt nguồn từ đây. Việc nước Tần nhất thống thiên hạ, từ sớm đã được Trời định rồi.

Trong quá trình diệt nước Triệu, quân Tần cũng đã tiến quân nắm sát biên giới nước Yên. Yên Vương Hỷ lo sợ không dứt, bồn chồn từ sáng đến tối. Thái tử Đan nước Yên theo sự tiến cử của Điền Quang, sai Kinh Kha mạo hiểm đi ám sát Tần Vương, đó chính là sự kiện Kinh Kha thích sát Tần Vương xảy ra vào năm Tần Thủy

Hoàng thứ 20 (tức năm 227 TCN). Hành động ám sát thất bại. Tần Thủy Hoàng năm thứ 22 (tức năm 225 TCN), Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho hai cha con Vương Tiễn, Vương Bôn tiến quân đánh hạ kinh đô Kế của nước Yên (nay là Bắc Kinh), Yên Vương Hỷ đã cùng Thái tử Đan bỏ chạy sang Liêu Đông. Tướng quân Lý Tín xuất lĩnh mấy ngàn quân Tần truy đuổi Thái tử Đan đến sông Diển Thủy. Thái tử Đan nhờ biết lặn xuống nước ẩn núp nên may mắn thoát chết. Sau đó, Yên Vương Hỷ cho người giết chết Thái tử Đan dâng thủ cấp cho nước Tần để cầu được hòa hoãn bãi chiến, giữ cho nước Yên không bị diệt vong.

Sau khi Yên Vương Hỷ chạy trốn tới Liêu Đông, quân chủ lực của Tần tạm thời điều chỉnh tiến quân về phía Nam tấn công nước Sở. Tần Thủy Hoàng năm thứ 25 (tức năm 222 TCN), Vương Bôn phụng mệnh thảo phạt các thế lực tàn dư của nước Yên tại Liêu Đông, bắt được Yên Vương Hỷ, nước Yên triệt để diệt vong. Cùng trong năm đó, sau khi tiêu diệt đại quân nước Sở ở phương Nam, quân Tần thừa thắng mà hàng phục được vua nước Việt, đặt làm quận Cối Kê. Toàn bộ lưu vực sông Trường Giang sáp nhập vào bản đồ nước Tần.

Thủy Hoàng Đế năm thứ 26 (tức năm 221 TCN), Tần Thủy Hoàng lệnh Vương Bôn tiến quân từ Yên về phía Nam đánh nước ở cực Đông và cũng là nước cuối cùng trong sáu nước là Tề. Từ thời Xuân Thu đến giữa thời Chiến Quốc, nước Tề là một nước rất mạnh trong các nước ở Sơn Đông. Nhưng từ năm 284 TCN, khi năm nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Sở cùng tấn công nước Tề, nhất là khi tướng quân Nhạc Nghị nước Yên càn quét qua nước Tề, khiến nước Tề thời điểm đó suýt nữa diệt

vong, từ đó về sau, nước Tề vẫn luôn không khôi phục được sức mạnh vốn có ban đầu nữa. Tề Vương Kiến khi đó không có tài năng xoay chuyển tình thế. Khi Vương Bôn xuống phía Nam đánh Tề, thế như chẻ tre, tiến quân thần tốc đến thành Lâm Truy, Tề Vương Kiến và Thừa tướng Hậu Thắng lập tức đầu hàng quân Tần, nước Tề diệt vong. Đến đây thì nước Tần hoàn thành bước cuối cùng của việc san bằng quần hùng, thống nhất sáu nước.

Trong mấy chục năm chinh chiến bình định sáu nước, hoàn thành bá nghiệp nhất thống thiên hạ, hoàn toàn không thấy có bất cứ ghi chép nào về việc Tần Thủy Hoàng chôn sống binh lính hay tàn sát dân lành, cho thấy ông quả thật là một trong những vị vua nhân từ nhất lịch sử Trung Quốc. Các nhà viết sử và văn nhân đời sau nhiều người mang việc Tần Thủy Hoàng quét sạch sáu nước miêu tả thành “bạo”; những hậu duệ của sáu nước vì ôm mối hận vong quốc, không nhớ tới ơn Tần Thủy Hoàng nhân từ tha cho mạng sống, mà ngược lại đã chụp lên cái mũ “tàn bạo” cho Tần Thủy Hoàng. Đó hoàn toàn không phải là những điều chân thực về Tần Thủy Hoàng! Nếu đúng Tần Thủy Hoàng “tàn bạo” như thế, thì chắc hẳn hậu duệ của sáu nước sớm đã bị đuổi tận giết tuyệt rồi.

Bắt đầu từ khi tự mình chấp chính năm 22 tuổi, đến năm 39 tuổi xuất binh đánh bại nước Tề ở Sơn Đông, hoàn thành đại nghiệp lịch sử thống nhất Trung Quốc, trong đoạn thời gian ngắn ngủi 17 năm này, Tần Thủy Hoàng đã nhanh chóng kết thúc cục diện chư hầu hỗn chiến kéo dài mấy trăm năm của thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc; đồng thời đã nắm bắt thời cơ chế định và ban bố một loạt pháp lệnh và thi hành những điều có lợi

cho thống nhất thiên hạ, xây dựng và hoàn thiện hoàng triều thống nhất đầu tiên của lịch sử Trung Quốc. Khí phách của ông không có Đế Vương nào so sánh được. Bằng sự quyết đoán và đảm lược mà tiền nhân chưa từng có, với sự táo bạo dứt khoát, hợp thiên thời, thuận lòng người, ông đã tạo ra nền thái bình cho bách tính.

3. Xét người dựa trên hiền tài, tin tưởng người không nghi ngờ

Tần Thủy Hoàng dám sử dụng và tinh tường trong nhìn nhận nhân tài, cả đời ông cực kỳ coi trọng và trọng dụng nhân tài. Ông có mắt nhìn nhận nhân tài, đảm lược, kiến thức và tấm lòng rộng rãi phi thường, hơn nữa, một khi đã dùng thì tuyệt đối tín nhiệm họ, trước sau vẹn toàn; ông rất chân thành khoan dung đối đãi với người khác, vượt xa so với các bậc đế vương thông thường.

Tần Thủy Hoàng năm thứ 10 (tức năm 237 TCN), khi mưu kế phá nhà thủy lợi người nước Hàn tên Trịnh Quốc đến nước Tần để mượn việc xây dựng công trình thủy lợi làm tổn thất tài lực nhân lực nước Tần của Hàn Vương bị bại lộ, nhân việc đó các đại thần và tôn thất của nước Tần kiến nghị lên Tần Thủy Hoàng nên trục xuất các “khách khanh” các nước đang làm mưu sĩ tại nước Tần, Tần Thủy Hoàng liền ban bố “lệnh trục khách”, lệnh cho tất cả các “khách khanh” đang nhậm chức tại nước Tần trong một thời hạn nhất định phải rời khỏi nước Tần.

Lúc đó, Lý Tư trên đường rời khỏi nước Tần có viết một bản “Gián trục khách thư” dâng lên Tần Thủy Hoàng, trong đó nêu rõ những cống hiến của các “khách

khánh” cho nước Tần, tính trọng yếu của việc giữ lại các “khách khanh” cũng như phân tích những hậu quả của việc “trục khách”. Tần Thủy Hoàng sau khi đọc xong thư can gián của Lý Tư, lập tức thu hồi “lệnh trục khách”, đồng thời khôi phục lại chức vụ cho các “khách khanh”, cho họ trở lại nước Tần nhậm chức. Không lâu sau đó còn bổ nhiệm Lý Tư làm Đĩnh Úy. Được can gián bởi Lý Tư và Trịnh Quốc, Tần Thủy Hoàng đã cân nhắc lợi hại, lập tức tiếp nhận kiến nghị của họ, đặc xá cho kẻ chủ mưu kế bào mòn nước Tần là Trịnh Quốc, đồng thời còn để Trịnh Quốc tiếp tục chủ trì công trình thủy lợi mà Trịnh Quốc đang làm dang dở, dùng thời gian gần 10 năm, cuối cùng cũng hoàn thành công trình “Trịnh Quốc Cự”, đó cũng là công trình thủy lợi lớn thứ hai của nước Tần thời điểm đó.

Đạo dùng người của Tần Thủy Hoàng là xét người dựa trên hiền tài, không phân biên giới hay quốc gia. Vì để có được nhà mưu lược quân sự trứ danh đang làm tướng quân tại nước Ngụy là Úy Liễu, Tần Thủy Hoàng liền cử Lý Tư đến nước Ngụy, cuối cùng đã thuyết phục Úy Liễu về với nước Tần, sau này trở thành một trong những mưu sĩ quan trọng trên con đường Đông chinh sáu nước của Tần Thủy Hoàng. Có người truyền sách của công tử nước Hàn là Hàn Phi tới nước Tần, Tần Thủy Hoàng thấy *Cô phẫn* và *Ngũ đố* của Hàn Phi Tử, tán thán nói: “Ôi! Quả nhân có thể gặp và kết giao với người này, thì thực có chết cũng không hối tiếc!” Sau đó, Tần Thủy Hoàng nghĩ trăm phương ngàn kế nghênh đón Hàn Phi Tử về với Tần quốc.

Trong trận chiến diệt nước Sở, Tần Thủy Hoàng đã thành công trong việc mời đại tướng quân Vương Tiễn

đang ở nhà cáo bệnh tái xuất, và phong Vương Tiễn làm đại thống soái đại quân nước Tần tiêu diệt nước Sở. Sau đó nước Tần đã giành chiến thắng trong cuộc chinh phục này.

Có một ngục lại ở huyện tên là Trình Mạc, vì phạm pháp nên bị bắt tống giam vào ngục, ở trong ngục Trình Mạc đã nghiên cứu cải cách văn tự, ông đem các nét “uốn tròn” của chữ Tiểu triện mà Lý Tư sáng chế đổi thành “gập vuông”, giản lược các phần phức tạp, trải qua 10 năm cố gắng, cuối cùng tạo thành một loại thể chữ mới, tức thể chữ Lệ thư. Sau đó có người đem những chữ này thượng tấu lên Tần Thủy Hoàng, sau khi xem xong Tần Thủy Hoàng cho rằng thể chữ này rất thực dụng, liền đặc xá và trọng dụng Trình Mạc, cho ông tiếp tục làm việc sửa chữ trong Ngự Sử Tự.

Tần Thủy Hoàng đã tập hợp được một nhóm “khách khanh” đông đảo ở bên cạnh mình, trong đó bao gồm: Thừa tướng Lý Tư (đến từ nước Sở), quân sự gia Úy Liễu (đến từ nước Ngụy), tướng quân Triệu Đà (đến từ nước Triệu), Thượng Khanh Cam La (là cháu của Cam Mậu, Cam Mậu đến từ nước Tề), tướng quân Mông Vũ và hai con trai là Mông Điền, Mông Nghị (Mông Vũ là con của lão tướng nước Tần – Mông Ngao, Mông Ngao đến từ nước Tề), chuyên gia thủy lợi Trịnh Quốc (đến từ nước Hàn), nhà lý luận về quyền mưu của đế vương là Hàn Phi (đến từ nước Hàn), khách khanh Mao Tiêu (đến từ nước Tề)... Những “khách khanh” này đều là những bậc trọng thần thống nhất giang sơn và trị lý quốc gia của Tần Thủy Hoàng.

Tần Thủy Hoàng đối đãi với người khác cực kì tôn trọng, đối nhân xử thế khéo léo khôn ngoan, thấu tình

đạt lý. Vì để có được Úy Liễu, Tần Thủy Hoàng không tiếc tôn nghiêm của bậc đế vương, mà “dùng lễ tiết bình đẳng”, “y phục, ăn uống đều giống với Úy Liễu” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). Mặc dù Úy Liễu nhiều lần nhận xét mạo phạm với Tần Thủy Hoàng, nhưng Tần Thủy Hoàng cũng vờ như không nghe thấy, vẫn tiếp tục yên tâm trọng dụng y.

Trịnh Quốc tuy là mật thám của kẻ địch, Tần Thủy Hoàng chẳng những không giết ông, ngược lại còn trọng dụng, để ông ta chủ trì hoàn thành công trình thủy lợi nổi tiếng Trịnh Quốc Cự, gia tăng thực lực kinh tế cho nước Tần. Khi Kinh Kha hành thích Tần Thủy Hoàng thất bại, trợ thủ Cao Tiệm Ly của Kinh Kha đã chạy trốn vào trong dân gian, Tần Thủy Hoàng yêu quý âm nhạc tài hoa của y, bèn ra lệnh y làm nhạc sư của triều đình.

Đặc điểm lớn nhất trong việc dùng người của Tần Thủy Hoàng là buông tay, đã dùng người thì không nghi ngờ họ, không can dự, cho tướng quân, thừa tướng quyền tự quyết định cực lớn. Ông đã đem 20 vạn đại quân giao cho Lý Tín, đem 60 vạn đại quân giao cho Vương Tiễn, đem 30 vạn đại quân giao cho Mông Điềm. Ông không tạo ra những chướng ngại để hạn chế quyền lực của họ, cũng không can dự quá trình chỉ huy tác chiến của các tướng quân. Lý Tín trẻ tuổi hăng hái, dẫn 20 vạn đại quân tấn công nước Sở, tuy bị thất bại, nhưng Tần Thủy Hoàng không truy cứu trách nhiệm, mà vẫn tiếp tục tín nhiệm Lý Tín, cho cùng tướng quân Vương Bôn tấn công nước Yên, nhờ đó mà lập được công lao bắt được vua nước Yên.

Sau khi nhất thống giang sơn, Tần Thủy Hoàng tiếp tục ủy thác trách nhiệm đối với các công thần, vẫn đối

xử trước sau như một với các nhân vật trọng yếu như Lý Tư, Vương Tiễn, Mông Điềm và các công thần khác, quan hệ tương đối hòa ái và thân mật. Điển hình nhất là mối quan hệ quân thần có thủy có chung kéo dài 30 năm giữa Tần Thủy Hoàng với Lý Tư.

Chương 3 (P1) – Minh chủ trị quốc, đặt nền móng cho trăm đời sau

1. Bình định thiên hạ, mở mang bờ cõi

Tần Thủy Hoàng là vị minh quân có hùng tâm tráng chí, đã dành cả cuộc đời chăm lo chính sự. Sử sách viết Tần Thủy Hoàng “ngày phán quyết án ngục, đêm xử lý văn kiện”, ngày qua ngày chăm lo chính sự như thế. Theo sử sách ghi chép, mỗi ngày ông phê duyệt các giản trát (đời xưa chưa có giấy, viết vào thẻ tre gọi là giản trát) tấu, thỉnh lên tới hơn 65kg.

Sau khi hoàn thành đại nghiệp thống nhất, bằng hùng tài đại lược phi phàm của mình ông lại mở mang bờ cõi, nhanh chóng soạn ra và ban bố một loạt các pháp lệnh mang tính khai sáng, từ đó lập ra và hoàn thiện hoàng triều thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Thể chế hoàng triều mà ông kiến lập đã đặt nền móng vững chắc cho dân tộc Trung Hoa trong suốt 2000 năm sau đó, mở ra một chương mới trong lịch sử.

Trong lịch sử, ba vương triều Hạ, Thương, Chu trước triều Tần được tính là ba nước lớn. Các nước tầm trung gọi là phong quốc hoặc chư hầu; các nước nhỏ thì gọi theo tên bộ tộc, có số lượng nhiều la liệt như sao trời. Trạng thái giữa các nước vẫn luôn trong quá trình dung hợp và thôn tính lẫn nhau.

Cương vực triều Hạ trải dài đến hai phía Nam Bắc vùng trung du sông Hoàng Hà. Nhà Thương diệt triều Hạ, cương vực mở rộng đến hai bên hạ du sông Hoàng Hà nhưng đều không có biên giới rõ ràng. Sau khi nhà

Tây Chu diệt nhà Thương, xưng là “Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ” (theo *Kinh Thi – Tiểu Nhã – Bắc Phong*), (tạm dịch: suốt cõi thiên hạ, không nơi nào không thuộc vua). Theo Đại phu vương thất nhà Chu Chiêm Hoàn Bá thời Xuân Thu ghi lại: “Từ triều đại nhà Hạ, nhờ công của Hậu Tắc mà các đất Ngụy, Đài, Nhuế, Kỳ và Tất mới thuộc về Tây Chu. Đến khi Vũ Vương diệt nhà Thương, thì các đất Bồ, Cô và Thương, Yểm thuộc về các vùng đất phía Đông của nhà Chu ta. Các đất Ba, Bộc, Sở, Đặng thuộc về các vùng đất phía Nam của nhà Chu. Các đất Tiêu, Thận, Yên, Bạc thuộc về các vùng đất phía Bắc của nhà Chu ta” (*Tả truyện – Chiêu Công cứu niên*). Nhưng vương triều Chu vẫn không thống nhất được các vùng đất trong phạm vi này, vương thất chỉ chiếm cứ vùng đất của kinh đô, các vùng khác đều là các phong quốc lớn nhỏ, đều ở trạng thái độc lập hoặc bán độc lập. Thời Xuân Thu, vương thất suy vi, nước lớn tranh bá; thời Chiến Quốc là thời kỳ chiến tranh giữa bảy nước lớn, thì càng chưa nói đến thống nhất. Duy đến thời Tần Thủy Hoàng mới thay đổi căn bản hình thế lãnh thổ của những thời kỳ trước đó.

Sau khi Tần Thủy Hoàng tiêu diệt sáu nước, không ngừng nhịp bước tiến lên, lệnh cho thống soái đội quân đã diệt nước Sở là Vương Tiễn tiếp tục tiến quân xuống phía Đông Nam. Nước Việt phía Đông đầu hàng. Thủy Hoàng đem cương thổ nước Việt đặt thành quận Cối Kê (Tô Châu, Giang Tô ngày nay). Nước Mân Việt đầu hàng, đặt thành quận Mân Trung (Phúc Châu, Phúc Kiến ngày nay). Thủy Hoàng lại lệnh cho Úy Đồ Tuy tiến quân xuống Lĩnh Nam, đặt khu vực phía Bắc Nam Việt làm ba quận gồm Nam Hải (Quảng Châu, Quảng Đông

ngày nay), Quế Lâm (Quế Bình, Quảng Tây ngày nay) và Tượng (Sùng Tả ngày nay). Lại lệnh Thường Át tiến quân xuống phía Tây Nam, mở đường năm thước từ phía Nam Nghi Tân, Tứ Xuyên đến Khúc Tĩnh, Vân Nam ngày nay.

Từ năm 770 TCN đến 221 TCN là thời kỳ Xuân Thu – Chiến Quốc, trong thời gian 549 năm, các nước chư hầu hỗn chiến không ngừng nghỉ, bách tính vì tránh họa chiến tranh phải lưu lạc không nhà cửa, nông nghiệp bị hủy hoại trầm trọng, đồng ruộng bỏ hoang rất nhiều. Trong khi các nước ở Trung Nguyên mãi mê chinh phạt lẫn nhau, buông lỏng chú ý đến phía Bắc, thì Hung Nô thừa cơ xâm chiếm xuống phía Nam, đánh cướp vùng đất biên cương phía Bắc ba nước Tần, Triệu, Yên. Quân Hung Nô tiến xuống phía Nam quấy nhiễu nhân dân vùng biên giới gây muôn trùng tai nạn cho sản xuất và cuộc sống của con dân Hoa Hạ.

Tần Thủy Hoàng năm thứ 32 (tức năm 215 TCN), lệnh cho tướng quân Mông Điền dẫn 30 vạn quân lính lên phía Bắc đánh đuổi Hung Nô, thu phục Hà Nam (Y Khắc Chiêu Minh, Nội Mông Cổ ngày nay) đặt làm 34 huyện. Lại vượt sông Hoàng Hà về phía Bắc chiếm Âm Sơn, nối liền các đoạn trường thành của các nước Tần, Triệu, Yên xưa thành một thể, đầu Tây bắt đầu từ Lâm Thao (Huyện Mân, Cam Túc ngày nay), đầu Đông đến sông Áp Lục, kéo dài vạn dặm, để ngăn Hung Nô phía Bắc. Đây chính là Vạn Lý Trường Thành nổi tiếng.

Sau khi tiêu trừ mối họa Hung Nô, Tần Thủy Hoàng lại lập tức điều chuyển hướng, quyết tâm khai phát khu vực Việt tộc. Ông di dời gần 50 vạn nhân khẩu đến khu vực Việt tộc để sinh sống cùng người Việt, đưa văn

hóa Trung Quốc truyền đến các khu vực và người dân xung quanh.

Khi Tần Thủy Hoàng tại vị, đã mở rộng phạm vi lãnh thổ lên gấp đôi so với thời Chiến Quốc Thất hùng. Tần Thủy Hoàng còn thiết lập chế độ quận huyện (một cơ cấu hành chính hoàn toàn khác so với chế độ phân phong chư hầu trước đó), chú trọng quản lý và xây dựng chế độ ở những vùng đất chinh phục được, vì thế đã khiến cho những vùng đất đó trở nên ổn định. Người đời sau cho rằng: “Công không ai lớn hơn Tần Hoàng Hán Vũ“, ý nói Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ Đế công cao vô lượng không ai sánh kịp.

Tần Thủy Hoàng là vị hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc thống nhất được lãnh thổ Trung Nguyên từ Bắc đến Nam. Cương thổ nước Tần “Phía Đông đến biển, tới Triều Tiên; phía Tây đến Lâm Thao, Khương Trung; phía Nam đến khu vực Bắc Hường Hộ (nay là miền Trung của Việt Nam), phía Bắc lấy sông Hoàng Hà làm biên giới, dựa vào Âm Sơn kéo dài đến Liêu Đông” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). So với cương thổ thời Tây Chu thì tăng ít nhất năm lần, đặt ra cơ sở lãnh thổ cho các vương triều sau này. Đồng thời truyền rộng văn hóa Trung Hoa đến nhiều chủng tộc và khu vực hơn.

2. Hoàng đế đứng đầu, sau là tam công cửu khanh

Thiết lập Hoàng đế là nguyên thủ quốc gia: Tần Thủy Hoàng phệ “Vương” hiệu, xưng “Hoàng đế” là cột mốc lớn khai sáng lịch sử. Thời cổ chỉ có Tam Hoàng, Ngũ Đế, nhưng chưa từng có danh xưng Hoàng đế. Hoàng đế không còn là “dòng chính” trong họ tộc như theo chế

độ xưa nữa, mà là quốc quân chí cao vô thượng. Tương ứng với điều đó, thì Hoàng hậu cũng không phải là chính thể của các quốc vương như theo chế độ xưa nữa, mà đã là nữ chủ cai quản lục cung, bậc mẫu nghi thiên hạ. Hoàng thái tử cũng không phải là “đích tôn” trong họ tộc theo chế độ xưa, mà đã là chư quân, là người kế vị Hoàng đế hợp pháp. Hoàng đế có địa vị ở trên các bậc quân, vương. Quân và vương là do Hoàng đế phong hoặc miễn. Quyền của Hoàng đế là do Thần trao cho, là chí cao vô thượng ở nhân gian. Tần Thủy Hoàng trên kế thừa cục diện hơn 2000 năm thời Tiên Tần, dưới mở ra tương lai hơn 2000 năm cho hậu thế, trở thành vị Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử văn minh Trung Hoa.

Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ viết:

Tần Vương vừa thôn tính xong thiên hạ, bèn lệnh Thừa tướng, Ngự sử rằng: “Xưa Hàn Vương dâng đất, giao ấn tủy, xin làm phiên thần, sau đó bội ước, hợp tung với Triệu, Ngụy để chinh phạt nước Tần, vì thế hưng binh chinh phạt nước Hàn, bắt sống Hàn Vương. Quả nhân cho là rất tốt, có lẽ cũng dừng binh được rồi. Triệu Vương sai Tể tướng Lý Mục đến kết liên minh, quả nhân trả lại con tin nước Triệu. Không lâu sau, Triệu Vương vi phạm minh ước, phản lại quả nhân ở Thái Nguyên, vì thế, hưng binh thảo phạt, bắt sống Triệu Vương. Triệu công tử Gia tự lập làm Đại vương, do đó ta phát binh tiêu diệt. Ngụy Vương ban đầu thệ ước hàng phục Tần, sau đó lại cùng Hàn Triệu mưu đồ tập kích Tần, nước Tần lại hưng binh thảo phạt, tiêu diệt nước Ngụy. Sở Vương (còn gọi là Kinh Vương) dâng cho ta vùng đất từ Thanh Dương kéo dài về phía Tây, sau đó phản lại ước định, đánh Nam Quận của ta, vì thế ta phát binh tru diệt

nước Sở, bắt được Sở Vương, bình định được đất Kinh Sở. Yên Vương hôn quân làm loạn, Thái tử Đan mật lệnh Kinh Kha thích sát ta, nên phái quân chinh phạt, diệt nước Yên. Tề Vương dùng kế của Vương Hậu Thắng, đoạn tuyệt bang giao với nước Tần, muốn làm loạn, nên phái binh chinh phạt nước Tề, bắt sống được Tề Vương, bình định nước Tề. Quả nhân dựa vào sức nhỏ bé không đáng kể của bản thân, hưng binh tru diệt bạo loạn, nhờ uy linh tông miếu, quân vương sáu nước đều thần phục nhận tội, vì thế mà bình định được thiên hạ. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không lấy gì để ca tụng công tích của quả nhân, lưu truyền hậu thế. Các khanh hãy thảo luận một phen xưng hiệu của đế vương”.

Thừa tướng Vương Quán, Ngự sử đại phu Phùng Kiếp, Đình úy Lý Tư nói: “Xưa Ngũ Đế đất đai chỉ vuông ngàn dặm, bên ngoài lại có Hầu phục Di phục, chư hầu có kẻ xưng thần mà đến triều cống, lại có kẻ không thần phục, Thiên tử không thể chế ngự được họ. Nay bệ hạ hưng nghĩa binh, tru diệt tặc tử bạo loạn, bình định thiên hạ, thiết lập quận huyện trên toàn quốc, pháp luật chính lệnh thống nhất, đây là công tích từ thượng cổ đến nay chưa từng có, Ngũ Đế không thể sánh được. Chúng thần cẩn trọng nghị đàm với các bậc bác học rằng: “Xưa có Thiên hoàng, có Địa hoàng, có Thái hoàng, Thái hoàng là tôn quý nhất”. Chúng thần ngu muội trình tôn hiệu, vương xưng là “Thái hoàng”. Mệnh của Thiên tử gọi là “Chế”, lệnh của Thiên tử gọi là “Chiếu”, Thiên tử tự xưng là “Trẫm”. Tần Vương nói: “Bỏ chữ “Thái”, giữ lại chữ “Hoàng”, lại dùng danh hiệu “Đế” của thượng cổ, gọi là “Hoàng đế”. Những việc khác theo lời tấu của các khanh. Vì thế hạ chế viết: “Được”. Vua lại cho truy

tôn Trang Tương Vương là Thái thượng hoàng. Lại ban bố chế mệnh: “Trẫm nghe thời thái cổ có hiệu không có thụ, thời trung cổ có hiệu, sau khi băng hà thì căn cứ sự tích bình sinh mà truy thêm một chữ thụ. Như vậy tức là con nghị luận cha, thần tử nghị luận quân chủ vậy, thật không có gì để nói, trẫm không áp dụng theo. Từ nay về sau, bỏ phép thụ. Trẫm là Thủy hoàng đế”.



Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ: “Quả nhân dựa vào sức nhỏ bé không đáng kể của bản thân, hưng binh tru diệt bạo loạn, nhờ uy linh tông miếu, quân vương sáu nước đều thần phục nhận tội, vì thế mà bình định được thiên hạ”. (Tân Đường Nhân “Tiểu đàm phong vân” cung cấp).

Tần Thủy Hoàng là vị Hoàng đế đầu tiên của lần văn minh lần này của dân tộc Hoa Hạ, cái tên “Thủy Hoàng Đế” đã nói lên tất cả. Tần Thủy Hoàng còn đặt ra chức Thừa tướng, Tam công, Cửu khanh, phụ trách các bộ

của triều đình. Các Thừa tướng sẽ tự chịu trách nhiệm trước Hoàng đế, tất cả nghe lệnh Hoàng đế. Thừa tướng cai quản chính sự, Ngự sử phụ trách giám sát, Đình úy thi hành tư pháp quốc gia, phân công rõ ràng, không giẫm chân lẫn nhau. Việc phân công này cũng tương tự như thể chế tam quyền phân lập ở phương Tây hiện nay. Ngoài ra, Hoàng đế còn bãi bỏ chế độ bổng lộc và chức tước truyền đời, quan chức từ trung ương đến địa phương đều do Hoàng đế bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, không được thế tập (nối dõi). Tuy rằng sau đó mỗi triều Thiên tử mỗi triều thần, mỗi triều chúng sinh mỗi triều văn hóa, nhưng thể chế hoàng quyền mà Tần Thủy Hoàng xây dựng thì luôn luôn được các triều đại kế thừa, cho đến tận triều Thanh mới kết thúc, tổng cộng thể chế này tồn tại hơn 2000 năm. Trên toàn thế giới chỉ có Trung Quốc có Hoàng đế, ngay cả quân, vương cũng là do Hoàng đế phong.

3. Hành chính địa phương, chế độ quận huyện

Tần Thủy Hoàng bãi bỏ chế độ phân phong, thiết lập kết cấu hành chính cơ sở các cấp quận, huyện, hương (xã), đình (thôn), lý (làng) do trung ương trực tiếp quản lý. Kết cấu quản lý này được kéo dài liên tục hơn 2000 năm, đến ngày nay vẫn còn sử dụng.

Về chế độ hành chính địa phương quận, huyện: Tần Thủy Hoàng ban đầu chia thiên hạ làm 36 quận, sau tăng lên 40 quận, quận trực thuộc trung ương, tại mỗi quận đặt ba chức quân đứng đầu là Thú, Úy, Giám, chia nhau nắm quyền hành chính (quận thú), quân sự (quận úy), giám sát (quận giám). Dưới quận thiết lập huyện, đặt ba chức đứng đầu là Lệnh, Thừa, Úy, chia nhau nắm quyền

hành chính (huyện lệnh), văn ngục (huyện thừa), quân sự (huyện úy). Các quan đứng đầu quận và huyện nhậm mệnh triều đình đảm nhiệm, do Hoàng đế bổ nhiệm, bãi miễn.

Chế độ quận huyện là cột mốc quan trọng trong lịch sử Trung Quốc. Theo *Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*, năm 221 TCN (tức Tần Thủy Hoàng năm thứ 26), nước Tần mới thống nhất thiên hạ, thừa tướng Vương Quán nói: “Chư hầu mới phá xong, Yên, Tề, Kinh (Sở) đều ở xa, không thiết lập vương hầu thì không lấy ai quản được. Xin cho các Hoàng tử tới làm vương, mong Hoàng thượng ân chuẩn”. Tần Thủy Hoàng cùng với các đại thần nghị luận, quần thần đều cho là như thế rất tốt. Riêng Đình úy Lý Tư bàn rằng: “Chu Văn Vương, Chu Võ Vương phân phong cho con cháu cũng như chư hầu cùng họ rất nhiều, nhưng sau này quan hệ xa dần, công phạt lẫn nhau, Chu Thiên tử không có cách nào ngăn cản. Nay khắp cõi nhờ thần linh bệ hạ mà được nhất thống, toàn quốc đã thiết lập quận huyện, các Hoàng tử và công thần thì lấy thuế khóa công mà trọng thưởng, như thế dễ bề khống chế. Thiên hạ không có lòng khác, đó là cách yên định thiên hạ vậy. Thiết lập chư hầu không thỏa đáng”. Thủy Hoàng nói: “Thiên hạ khốn khổ, chiến tranh không ngừng, là do các vương, hầu. Nhờ bảo phúc của tổ tông, thiên hạ mới yên định, nếu lại lập lại các nước, tức là gieo trồng mầm binh đao mà lại cầu yên ổn, há chẳng khó thay! Đình úy bàn rất đúng”. Tần Thủy Hoàng làm theo lời tấu của Lý Tư, bãi bỏ chế độ phong đất, thúc đẩy tiến hành chế độ quận huyện.

Tần Thủy Hoàng kiến lập hoàng triều Đại Tần. Từ đó đến gần 1700 năm về sau, chế độ quản lý của Trung

Quốc luôn tiên tiến hơn các nước phương Tây. Đó chính là “Hán thừa Tần chế” (nghĩa là nhà Hán kế thừa và phát huy những chế độ chính sách do nhà Tần tạo ra) trích trong *Hậu Hán thư – Ban Bưu truyện*. Trung Quốc trong hơn 2000 năm các thời đại Hoàng quyền về cơ bản vẫn luôn sử dụng chế độ mà nhà Tần đã thiết lập.

Chế độ Hoàng triều này của Tần Thủy Hoàng là mẫu mực văn minh của chế độ cổ đại Trung Quốc, là Thần bảo hộ cho dân tộc Trung Hoa. Suốt hơn 2000 năm nay, cương thổ được gìn giữ, văn hóa Thần truyền được phong phú thêm đều là nhờ lợi ích từ một thể chế hoàng triều này.

4. Xây dựng đường xe ngựa, mở rộng Vạn Lý Trường Thành

Năm thứ hai sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất toàn quốc, ông hạ lệnh nối liền các đường cũ của nước Tần và sáu nước trước đây, đồng thời đẩy mạnh xây dựng các đường xe ngựa để Thiên tử tuần hành thiên hạ. Phần đường ở giữa đường xe ngựa gọi là “Ngự đạo” (đường của vua đi), hai bên gọi là “bàng đạo” (đường bên). Đường xe ngựa rộng rãi, bằng phẳng, xe đi trên đường này tốc độ cực nhanh. Theo ghi chép của người đời Hán, đi trên đường lớn nửa ngày có thể chạy được trên 200 dặm (tức khoảng 100km).

Tần Thủy Hoàng còn hạ lệnh xây dựng những tuyến đường xe ngựa hình mạng nhện với trung tâm là Hàm Dương. Con đường này phía Bắc đến quận Cửu Nguyên (Bao Đầu, Nội Mông Cổ ngày nay), phía Đông đến Thành Sơn Đầu (Vinh Thành, Sơn Đông ngày nay), phía Nam đến quận Nam Hải (Quảng Châu ngày nay), phía Tây

Nam đến Điền (vùng Điền Trì, Vân Nam ngày nay), phía Tây đến quận Lũng Tây (huyện Mân, Cam Túc ngày nay). Đường xe ngựa rộng 10 đến 15 trượng (khoảng 33 – 50 mét), gặp núi mở núi, gặp sông bắc cầu, mặt đường toàn bộ dùng đá vôi và đất dính đầm nện thành. Những tuyến đường xe ngựa này, trải qua hơn 2000 năm mưa gió, đến nay nhiều đoạn vẫn có thể thấy hình dạng mặt đường năm xưa, chất lượng thực sự rất cao.

Để loại bỏ mối lo các dân tộc du mục phương Bắc nhiều lần xâm phạm, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh tu sửa trường thành để chống ngoại xâm, đồng thời sai Mông Điền xuất binh thảo phạt. Vốn giữa các nước trước đây đều có một số trường thành nhưng trường thành phía Bắc chưa hoàn thiện. Sau khi thống nhất, ông hạ lệnh phá dỡ trường thành cũ của các nước, rồi nối liền trường thành của ba nước Tần, Triệu, Yên để ngăn ngừa quân Hung Nô tiến xuống phía Nam. Tần Thủy Hoàng đã để lại cho hậu thế Vạn Lý Trường Thành nổi tiếng mà cả thế giới đều ngưỡng mộ.

Người đời sau vì để vu cáo Tần Thủy Hoàng “tàn bạo” như thế nào, đã lấy chiến tướng Kỷ Lương nước Tề thời Xuân Thu xuyên tạc thành Phạm Kỷ Lương, tạo nên câu chuyện nàng Mạnh Khương tìm chồng khóc đổ Trường Thành. Còn có người vì những người đó mà lập miếu dựng tượng, tốn rất nhiều công sức. Kỳ thực trường thành trong câu chuyện nàng Mạnh Khương, không phải Trường Thành thời Tần, mà là trường thành nước Tề. *Đông Chu liệt quốc* của tác giả Phùng Mộng Long đời Minh từ mấy trăm năm trước đã làm rõ vấn đề này. Đại tướng của Tề Trang Công là Kỷ Lương chết trận ở Thả Vu Môn. “Nàng Mạnh Khương rước linh

cửu chông để đem chôn ở ngoài thành, ngủ giữa trời ba đêm, ôm linh cửu mà khóc, đến nỗi hết cả nước mắt, máu tươi chảy ra. Bỗng thành nước Tề sụt lở mất mấy thước, người ta bảo rằng đó là vì nàng Mạnh Khương khóc lóc thảm thiết cảm động đến trời đất như vậy. Đời sau truyền chuyện Phạm Kỷ Lương người nước Tần vì bị sai đi xây dựng Trường Thành mà chết, vợ anh ta là Mạnh Khương Nữ đem áo rét đến dưới thành, nghe tin chông chết khóc thống thiết, thành vì vậy đã nứt đổ. Vốn là sự việc của Kỷ Lương tướng nước Tề, mà truyền sai đi như vậy”.



Tần Thủy Hoàng hạ chỉ cho Phù Tô đến vùng biên giới để rèn luyện, giúp đỡ tướng quân Mông Diêm xây dựng trường thành, chống cự Hung Nô. Tranh vẽ Bát đạt linh Trường Thành Bắc Kinh (nguồn Wikipedia)

Xây sửa Vạn Lý Trường Thành thực sự là một trong những công tích vĩ đại quan trọng nhất của Tần Thủy Hoàng. Sau này, tiên sinh Tôn Trung Sơn đã bình luận về Trường Thành: “Do đó các công trạng sự nghiệp của các đời từ Tần Hán về sau, không cái gì có thể so với Cửu Hà của Đại Vũ và Trường Thành của Tần Thủy Hoàng...”. “Công trình trên lục địa nổi tiếng nhất Trung Quốc chính là Vạn Lý Trường Thành”. “Đến nay nhìn xem, nếu không có Trường Thành bảo vệ thì Trung Quốc đã bị diệt vong bởi địch phương Bắc rồi, chẳng phải chờ đến đời Tống, Minh mà ngay đời Sở Hán đã bị diệt rồi”.

Trường Thành là một trong bảy đại kỳ quan thế giới hiện nay, bản thân nó không chỉ là văn hóa nhân loại, kỳ tích kỹ thuật được lưu truyền cho hậu thế, mà hơn hết chính bởi sự tồn tại của Vạn Lý Trường Thành, đã bài trừ tất cả nhiễu loạn đối với văn hóa Thần truyền trên vũ đài lớn Trung Hoa, khiến cho văn hóa chính thống được bảo vệ.

Đương thời, Tần Thủy Hoàng vì để đưa vùng đất Bách Việt, Lĩnh Nam nhập vào bản đồ Trung Quốc đã phái Đồ Tuy là chủ soái, dẫn 50 vạn quân Nam chinh Bách Việt. Nhưng đại quân triều Tần đã vấp phải sức kháng cự ngoan cường của Bách Việt, cộng thêm đường núi Lĩnh Nam gập ghềnh, vận chuyển lương thảo khó khăn, dẫn đến quân Tần bị tổn thương, ba năm không thể tiến quân được.

Lưu vực sông Trường Giang và lưu vực sông Châu Giang cách nhau bởi dãy núi Ngũ Lĩnh, vốn không có đường thủy thông qua. Nhưng ở thượng nguồn sông Tương Giang (một nhánh của Trường Giang) và thượng

nguồn của nhánh sông Châu Giang, lại cùng bắt nguồn ở vùng Hưng An, Quảng Tây ngày nay, có chỗ chỉ cách nhau 1,5km. Chỉ cần nối thông hai con sông này, thì thuyền vận chuyển lương thảo từ vùng Trung Nguyên có thể theo đường thủy vượt qua Ngũ Lĩnh, tiến vào Lĩnh Nam. Tần Thủy Hoàng thấy điều kiện địa lý như vậy, đã khéo tận dụng. Vào năm Tần Thủy Hoàng thứ 29 (tức năm 218 TCN), ông lệnh cho Giám ngự sử Lộc, đốc suất binh sĩ huyện Hưng An, Quảng xây dựng một con sông đào để vận chuyển lương thảo. Trên ngọn núi Phân Thủy Lĩnh đục một dòng chảy, dẫn nước sông Tương vào sông Ly, tạo lên một truyền kỳ bất hủ trong lịch sử sông đào của nhân loại.

Năm Tần Thủy Hoàng thứ 30 (năm 214 TCN), sông đào đục xong, tức là sông đào Linh Cừ ngày nay. Nó nối liền hai dòng sông Tương - Ly, nối thông Trường Giang và Châu Giang, nối liền mạng lưới vận tải thủy của miền Nam Trung Quốc, khiến quân Tần có được nguồn cung cấp lương thảo và nguồn bổ sung binh lực đầy đủ không ngừng. Quân Tần nhanh chóng thống nhất Lĩnh Nam. Sông đào Linh Cừ cùng với đập Đô Giang Yển và sông đào Trịnh Quốc Cự cùng được ca ngợi là “Ba đại công trình thủy lợi đời Tần”, là một trong những con sông đào cổ xưa nhất thế giới, hơn nữa vẫn còn được sử dụng cho đến tận ngày nay.

Chương 3 (P2) – Thống nhất chế độ và pháp luật

5. Thống nhất tiền tệ, thống nhất đo lường

Thời Chiến Quốc, chữ viết, tiền tệ, đo lường của các nước đều khác nhau. Các nước như Tề, Yên phát hành tiền dao (tiền xu đúc hình con dao), các nước Triệu, Ngụy, Hàn thì thông dụng tiền cuốc (tiền xu đúc hình cái cuốc). Nước Tần và Đông Chu lưu thông tiền xu tròn lỗ vuông. Nước Sở thì dùng tiền vỏ sò. Tần Thủy Hoàng ban bố quy định: Trên toàn quốc thống nhất phát hành tiền xu tròn lỗ vuông, nghiêm cấm sử dụng các loại tiền bằng mai rùa, vỏ sò, ngọc... của sáu nước. Ông lại quy định toàn quốc thống nhất dùng hai loại tiền xu tròn lỗ vuông bằng vàng và đồng, trong đó tiền bằng vàng gọi là Thượng tệ, tiền bằng đồng gọi là Hạ tệ. Loại tiền bằng đồng này được dùng suốt hơn 2000 năm, mãi cho đến tận triều Thanh.

Độ (度) là đo lường chiều dài, lượng (量) là đo dung tích, hành (衡) là đo trọng lượng. Độ, lượng, hành là để đo lường trao đổi thương phẩm, có liên quan đến thuế khóa quốc gia, nhưng các nước dùng các chế độ đo lường khác nhau khiến việc đo lường khi ấy mỗi nhà một kiểu. Tiêu chuẩn đo lường chiều dài của các nước khác nhau dẫn đến các nước sử dụng các loại thước to nhỏ khác nhau, tiêu chuẩn đo lường dung tích khác nhau dẫn đến công cụ đo dung tích cũng lớn nhỏ khác nhau, ở các nơi cũng sử dụng đơn vị đo khác nhau.

Để giải quyết các vấn đề về tiền tệ và đơn vị đo không thống nhất, Tần Thủy Hoàng sau khi nhất thống thiên hạ lập tức ban bố chiếu lệnh thống nhất tiêu chuẩn đo lường, lấy chế độ đo lường nước Tần làm chuẩn. Đơn vị đo lường sửa thành hệ thập phân, định kỳ tiến hành kiểm tra công cụ đo lường. Đồng thời, ông còn cho cải tiến hoặc tạo mới các dụng cụ đo lường và giao cho quan phủ giám sát chế tạo, ban bố toàn quốc thực hiện, trong đó bao gồm cả thống nhất trục xe, khoảng cách hai bánh của trục xe, tức “xe đồng trục”.

6. Thống nhất văn tự, tạo phúc muôn đời

Văn tự được sử dụng cho mục đích “văn dĩ tải Đạo”, là mối liên hệ giữa con người và Thần. Chữ Hán dưới dạng chữ giáp cốt truyền đến đời Thương đã là khá thành thục. Đến thời Chiến Quốc, do liệt quốc phân lập trong thời gian dài và “ngôn ngữ dị thanh” (một chữ nhưng đọc khác nhau)... đã ảnh hưởng đến sự thống nhất của văn tự, xuất hiện hiện tượng “văn tự dị hình” (một chữ nhưng viết khác nhau), gây ra nhiều bất tiện và hiểu lầm khi giao lưu văn hóa giữa người với người, cũng ảnh hưởng sự chính xác của ghi chép lịch sử, văn hóa.

Sau khi tiêu diệt sáu nước, đồng thời với việc thống nhất về đo lường, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh bãi bỏ văn tự cũ của sáu nước, lệnh Đình úy Lý Tư chủ trì việc thống nhất văn tự. Lý Tư lấy văn tự nước Tần trước đây làm cơ sở để sáng chế ra chữ Tiểu triện (còn gọi Tần triện) có hình chữ cố định, nét bút giản hóa, viết thuận tiện, làm văn tự tiêu chuẩn hóa, thúc đẩy sử dụng trên toàn quốc, tức “Thư đồng văn”. Tiểu triện tiếp thu, kế thừa

những nhân tố hợp lý trong văn tự của sáu nước, đồng thời nét bút đơn giản, rành mạch, dễ thúc đẩy rộng rãi. Ngoài ra, trong dân gian còn lưu hành một loại văn tự Lệ thư (chữ Lệ), đơn giản dễ viết hơn cả Tiểu triện. Đó chính là tiền thân của Hán tự ngày nay.

Thống nhất văn tự khiến văn hóa, lịch sử được bảo tồn chính xác, có lợi cho người đời sau trong việc lý giải đúng đắn đối với văn hóa Thần truyền, chính pháp, chính lý, việc làm này đã tạo phúc cho muôn đời sau. Để đến sau này, khi “vạn Phật lâm phạm, vạn Pháp quy nhất”, người đời sau có thể chuẩn xác không sai sót đặc Đại Pháp, đặc Đại Đạo, phản bốn quy chân, hoàn thành sứ mệnh cuối cùng của nhân loại.

7. Xây cung lẫm, dựng đài thiên văn

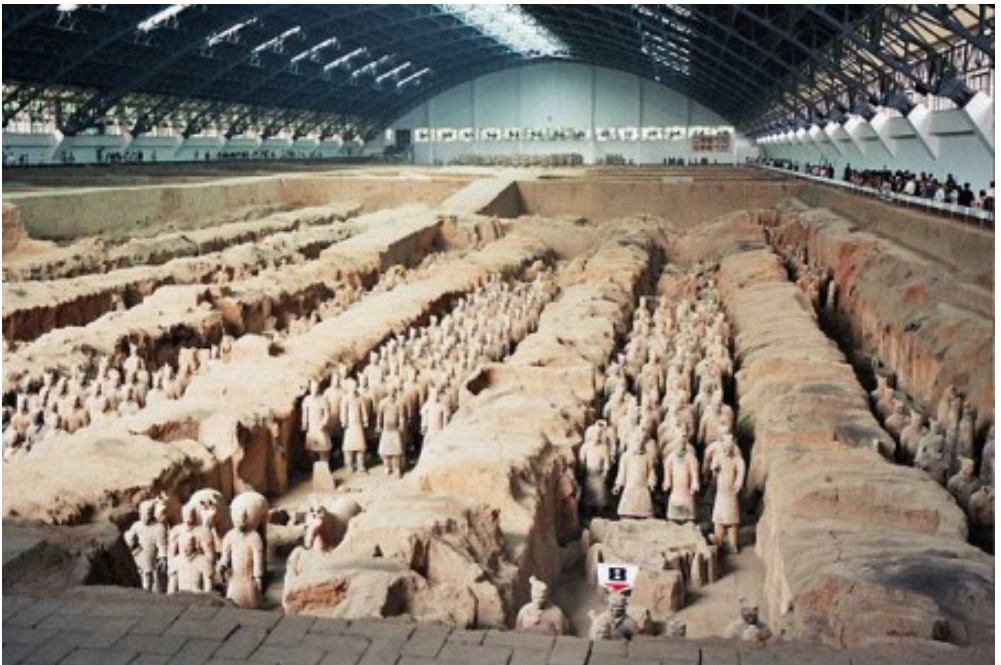
Để sáng tạo lịch sử nhân loại, mở ra thời kỳ huy hoàng cho văn hóa Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng đã đem cung khuyết thiên thượng đến nhân gian, xây dựng cung A Phòng nổi tiếng. Nhưng do chiến hỏa và sự hủy hoại



Bức tranh Cung A Phòng đồ vẽ trên 12 tấm lụa của Viên Giang đời Thanh, đây là bức tranh lụa thiết sắc, dài 194.5cm, cao 60.5cm, hiện lưu giữ tại bảo tàng cổ cung Bắc Kinh. (Nguồn internet)

của người đời sau, cung điện này đến cùng vẫn không thể được hoàn thành và lưu truyền cho hậu thế được.

Một triều Thiên tử, một triều dân chúng, một triều văn hóa, một triều trang phục, một triều phong thổ nhân tình, một triều đặc điểm nội hàm. Do đó các cung điện, lăng mộ, địa cung do những thánh hoàng, minh chủ xây dựng thường là tập hợp đầy đủ những nghệ thuật tinh xảo, mỹ diệu nhất, sau đó chôn vùi chúng vào trong lòng đất, để lưu giữ những thành tựu văn hóa của triều đại đó, qua đó bảo tồn những đặc điểm văn hóa của Thiên quốc đối ứng với các vương triều đó.



Binh mã dũng đời Tần. (Nguồn internet)

Năm 1974, phía Đông mộ Tần Thủy Hoàng ở núi Ly Sơn phát hiện ra các hố tượng binh mã đời Tần, tổng diện tích hơn hai vạn mét vuông, với 7000 tượng gồm các binh sĩ cao khoảng 1.8 mét được bày thành trận, trên 700 con ngựa gốm kích thước bằng ngựa thật, 130 chiến xa. Những bảo vật của văn minh nhân loại, những tinh túy trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ đều được bảo vệ an toàn dưới lòng đất hơn 2000 năm. Khi con người ngày nay khi bước vào phần lăng mộ đặt tượng các binh mã này, mới cảm thán và cảm tạ Tần Thủy Hoàng hơn 2000 năm trước đây đã để lại cho hậu thế và thế giới tài sản quý báu nhường này!



*Xe ngựa bằng gốm bồi táng trong lăng mộ Tần Thủy Hoàng
(Ảnh: Traumrune/Wikipedia)*

Quan sát trời, các vì sao, thể ngộ Thần hiển thị là con đường tốt đẹp nhất của một nhân loại tín Thần, kính Thần khi mong muốn nhận được khai thị của Thần

linh. Thư tịch cổ thường có ghi chép về việc cổ nhân quan sát trời, các vì sao, chiêm tinh, để thông hiểu sự biến hóa của nhân loại và hung cát họa phúc, lấy đó làm chỉ đạo cho các hành vi và hoạt động của mình. Trong thời Tam Đại Hạ, Chu, Thương, đài quan sát sao trời có ở khắp nơi. Rất nhiều đài quan sát được xây dựng đối ứng với các chòm sao, tinh tú trên thiên thượng, nhằm đạt đến cảnh giới cao hơn: Thiên nhân hợp nhất. Xung quanh rất nhiều đài quan sát cũng có các đài lễ tế, dùng để tế lễ Thần linh.

Sau khi kiến lập Đại Tần, Thủy Hoàng Đế cho xây dựng các đài thiên văn khắp Đại Tần. *Hán thư - Địa lý chí* có gọi Du Lâm (Thiểm Tây) là “Trinh Lâm”, “Trinh” tức là “bói toán”, “chiêm tinh”, địa danh “Trinh Lâm” ngụ ý là các đài thiên văn nhiều như rừng. Trong thời đế quốc Đại Tần, việc xây dựng các đài thiên văn đã đạt đến đỉnh cao, Thủy Hoàng Đế đem tất cả 332 chòm sao có thể quan sát, có thể gọi tên trên khắp bầu trời (1424 ngôi sao), phỏng chiếu vị trí trên mặt đất để xây dựng thành các đài đất hình tròn hoặc hình ô-van, tổng cộng đã xây dựng 1424 đài chiêm tinh, diện tích phân bố 2.8 vạn km². Về phạm vi phân bố các đài thiên văn, phía Đông đến Hoàng Hà, phía Tây đến Trường Thành Đại Biên, phía Nam đến hạ du sông Tú Diên, phía Bắc đến vùng Đông Bắc cao nguyên Ordos, chiếm quá nửa các quận thời Tần, là công trình to lớn.

Năm 2008, di chỉ đài thiên văn toàn thiên Đại Tần được phát hiện ở Du Lâm (Thiểm Tây), hình dáng tổng thể là hình Nữ Oa vá trời. Nữ Oa đầu phía Bắc, chân phía Nam, nghiêng người, ngẩng đầu, tay co giơ lên bằng nhau, đang vá trời. Nữ Oa cao 809 dặm Tần (khoảng

337 km), hông rộng 365 dặm Tần (khoảng 152 km). Thân cao như núi Côn Luân, hông rộng như vĩ độ Chu Thiên. Kết hợp số cuối của thân cao (809) và hông rộng (365) ta được con số cửu ngũ chi tôn (chú thích: trong *Kinh dịch*, Cửu được dùng để chỉ hào dương, Ngũ chỉ hào thứ năm từ dưới lên, hào Cửu Ngũ trong quẻ Càn của *Kinh Dịch* là “Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân”, có hình tượng con rồng bay trên trời, tức là khí tượng của bậc quân vương tôn kính), con số này đã biểu thị đầy đủ sự tôn kính đối với Nữ Oa.

Đài thiên văn hình Nữ Oa phân bố từ phía dưới (Nam) lên trên (Bắc), gồm chín phần, mỗi phần đều có chứa một số tinh tú hoặc tinh quan, lần lượt đại diện cho chín tầng trời, ẩn chứng cho thuyết “Trời có chín tầng”. Bên cạnh một số đài thiên văn trọng yếu có xây dựng đài tế sao. Trong đó đài tế sao trọng yếu phải kể đến như đài tế sao quan sát Đế Tinh (tục gọi Sao Tử Vi, tức sao Bê-ta chòm Sao Tiểu Hùng), hình ô-van, trục dài là một dặm Tần (khoảng 0.42 km), dùng cho Tần Thủy Hoàng tế sao. Đài thiên văn toàn thiên Đại Tần so với thời Tam Đại và Xuân Thu Chiến Quốc lớn hơn mấy trăm lần, xứng danh là kiệt tác đỉnh cao.

Tần Thủy Hoàng quả thực đã làm được những việc chưa từng có, hoàn thành nhiều cải cách về thể chế và văn hóa, lại xây dựng rất nhiều công trình kiến thiết to lớn mà tinh tế, thực sự vĩ đại phi phàm! Vạn Lý Trường Thành, cung A Phòng, mộ Ly Sơn và Đài thiên văn toàn thiên Đại Tần... đó đều là những công trình kiến trúc, văn hóa mang đặc sắc thiên triều Đại Tần được Tần Thủy Hoàng đem đến nhân gian. Quá trình từ khi Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước đến khi ngài khuất thế

chỉ vón vện 11 năm ngắn ngủi, nhưng Tần Thủy Hoàng đã hoàn thành các công trình vĩ đại này với tốc độ khó mà tưởng tượng nổi, đặt nền móng cho hậu thế mấy nghìn năm sau, mở ra khởi đầu tốt đẹp, được người đời sau ca ngợi là “Thiên cổ nhất đế” (Hoàng Đế đệ nhất thiên cổ).

8. Lấy quan lại làm thầy, lấy pháp luật để giáo hóa

Tần Thủy Hoàng tỏ tường lý luận Đạo gia và Âm Dương, biết rõ sự thay đổi các triều đại trong lịch sử là biến đổi theo quy luật vận chuyển của các thiên thể lớn hơn. *Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ* có chép: “Tần Thủy Hoàng bắt đầu suy diễn thứ tự, lần lượt tính chu kỳ của đức tính ngũ hành, cho rằng triều Chu được Hỏa đức mà thống trị thiên hạ; Tần thay thế Hỏa đức của Chu mà được thiên hạ, vì thế nhất định phải dùng đức tính mà Chu đức không thể vượt qua được. Vậy nay, bắt đầu dùng Thủy đức, vì thế đổi tháng khởi đầu năm, quần thần vào triều chúc mừng định vào ngày sóc tháng 10 (ngày 1 tháng 10 âm lịch) mỗi năm. Y phục, tinh kỳ, cờ tiết đều dùng màu đen. Số lấy sáu là đơn vị, phù hiệu, pháp quán (mũ của quan ngự sử) đều dài sáu tấc, trục xe sáu thước, sáu thước làm một bộ, mỗi xe có sáu ngựa kéo. Đổi tên sông Hoàng Hà thành Đức Thủy, để thể hiện nơi khởi đầu của Thủy đức”.

Âm Dương gia Trâu Diễn cũng tiên đoán rằng, người thay Hỏa sẽ là Thủy, đức nhà Chu đã suy, Trời ắt sẽ để vị đế vương hợp với Thủy đức nhất thống thiên hạ. Hơn 500 năm trước khi Đại Tần lập nên, họ Trâu cũng đã đoán: “Ngoài ra, khi Tần Văn Công đi săn bắn

đã sẵn được một con rồng đen, là điềm tượng trưng cho Thủy đức” (*Sử ký – Phong Thiệu Thư*), tức là đã tiết lộ nước Tần sẽ ứng với Thủy đức thay nhà Chu (Hỏa). Do ngũ hành tương ứng với ngũ sắc, mà thủy đối ứng với màu đen. Cũng vì thủy của ngũ hành đối ứng với số sáu trong số thuật, do đó các khí cụ triều Tần đa phần lấy độ chia là sáu.

Trong quản lý hành chính quốc gia, Tần Thủy Hoàng lấy pháp luật để giáo hóa, dùng pháp lý để quản lý quốc gia. Chú trọng “lấy lại làm thầy” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). Tần Thủy Hoàng đích thân đặt ra pháp luật, và tự mình giảng pháp. “Hoàng đế đăng vị, định ra chế độ pháp luật sáng suốt” (Khắc đá Thái Sơn), “Đặt ra pháp luật chế độ ngay thẳng, công bằng, vạn vật đều có kỷ cương” (Khắc đá Lang Nha), “Thực hiện pháp luật nghiêm minh khắp nơi, trị lý thiên hạ, trở thành chuẩn tắc cho nhân gian đời đời” (Khắc đá Chi Phù). Tần Thủy Hoàng còn xây dựng chế độ pháp luật và hệ thống giám sát nghiêm minh chặt chẽ để dân chúng hiểu được pháp luật, hiểu rõ chế độ. “Lấy lại làm thầy”, “lại” không chỉ là quan lại hiểu rõ pháp luật, mà còn gồm cả quan tư pháp do đích thân Tần Thủy Hoàng đặt ra.

Thời thượng cổ, đạo đức nhân loại cao thượng, không cần đặt ra nhiều pháp luật để quản lý quốc gia và nhân dân. Đặc biệt là thời con người và Thần cùng tồn tại, như hình quan của vua Nghiêu là Cao Dao có nuôi con Giải Trãi (dê thần) trợ giúp phân biệt kẻ tội, Giải Trãi còn được gọi là Pháp thần thú. Khi thẩm án, thần thú dùng sừng húc về phía không có lý, thậm chí húc chết những kẻ phạm tội đáng chết vạn lần, làm những kẻ phạm tội khiếp sợ. Nhưng “lịch sử phát triển”

của nhân loại lại là một bộ “lich sử lùi”. Khi đạo đức con người ngày một thấp, càng ngày càng rời xa Thần, không thể dùng tâm pháp để ước thúc bản thân, thì chỉ có thể dựa vào pháp luật, dựa vào các điều lệ bên ngoài để ước thúc con người.

Đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, Đại Tần kiến lập, đạo đức nhân loại đã không thể nào sánh với đạo đức nhân loại thượng cổ được. Tần Thủy Hoàng kiến lập thể chế quốc gia đại nhất thống, tiếp tục giáo hóa con



*Một phần điều khoản của “Hiệu luật” trên thẻ tre đời Tần
(Ảnh: Vân Mộng Tần Giản)*

người tu luyện tín Thần, nên đã đặt ra hệ thống pháp luật quản lý quốc gia.

Thẻ tre Vân Mộng Tần Giản khai quật tháng 12 năm 1975, trên có viết chữ Tần triện được xác định viết vào khoảng cuối thời Chiến Quốc đến thời Tần Thủy Hoàng. Nội dung bao gồm chế độ pháp luật, pháp quy hành chính triều Tần... Tổng cộng 1155 thẻ tre, trong đó hỏng 80 cái, phân loại chỉnh lý thành 10 bộ nội dung, bao gồm: “18 loại Tần luật”, “Hiệu luật”, “Chép lẻ Tần luật”, “Hỏi đáp pháp luật”, “Phương thức phong chấn”, “Biên niên kỷ”, “Ngũ thư”, “Đạo làm quan lại”...

Trong đó, một bộ phận pháp luật đã chép nguyên văn hơn 20 đạo luật được thực thi đời Tần, tổng cộng chép 600 điều khoản pháp luật, chủ yếu ghi chép điều khoản pháp luật đời Tần, gồm: Luật; Lệnh (gồm chế và chiếu), chế là phê quyết định của Hoàng đế đối với một việc; Thức là văn bản, trình tự, hình thức pháp luật, trình tự cụ thể thẩm định văn bản pháp luật, chế độ quản lý hành chính nhân viên chấp pháp; như “Đạo làm quan lại”, “Hỏi đáp pháp luật”... Trong đó có ghi chép 18 loại luật Tần: luật ruộng đất, luật quản lý nuôi gia súc, luật kho tàng, luật tiền tệ, luật thị trường, điều động lao động, định mức sản xuất công, luật lao dịch, quan tước, luật quân tước, luật bố trí quan lại, hiệu, luật cung cấp ăn ở, hành, nội sử, úy tạp, thuộc bang.

Từ thẻ tre Vân Mộng Tần Giản có thể thấy phạm vi luật triều Tần phủ khắp hết sức chi tiết tường tận đầy đủ các lĩnh vực quốc gia, xã hội và gia đình. Việc tìm thấy được Tần luật đã mang đến cho chúng ta một nhận thức mới về chế độ đời Tần hoàn toàn không phải chế độ hà khắc như người đời vẫn truyền lại. Thời Tần Thủy

Hoàng trị nước lấy pháp luật làm căn cứ, chấp pháp nghiêm khắc, công bằng. Pháp luật đời Tần có quyền lực tuyệt đối đối với quan lại và dân chúng.

“Đạo làm quan lại, phải tinh thông liêm khiết chính trực, cẩn thận kiên định, thẩm xét phải vô tư, tra xét từng chi tiết nhỏ, yên định không được hà khắc, thưởng phạt thích đáng”, thực hiện phương châm “Minh chủ trị quan lại không trị dân”, cho rằng quan lại làm giềng mối cho dân. Yêu cầu rất nghiêm khắc đối với quan lại.

“Đạo làm quan lại” yêu cầu quan lại phải có Ngũ thiện: Trung tín kính trên; Thanh liêm không phỉ báng; Mọi việc phải thẩm tra thỏa đáng; Vui làm việc tốt; Cung kính nhường nhịn. Ngũ thất là: Nói xằng; Tự đại; Lạm quyền; Tùy tiện phạm thượng; Trọng tiền tài, khinh nhân tài. Đề xướng “Khoan dung trung tín; bình hòa không oán hận; Hối lỗi không tái phạm; Nhân từ với người dưới không lăng nhục; Kính trên không phạm thượng; Nghe can gián chớ bỏ qua; Thẩm xét khả năng của dân; Khéo sử dụng sức dân; Có công thì thưởng; Làm đúng thì khen”.

Quan lại làm tốt “Ngũ thiện”, phải được thưởng lớn. Làm việc trái pháp lệnh, lơ là chức phận, quan lại tham lam làm sai pháp luật, đưa nhận hối lộ, phải phạt tiền, nặng thì phải lưu đày (Sách *Ngũ thư*). Từ đó có thể thấy, tại sao Tần Thủy Hoàng dùng sách lược “Lấy quan lại làm thầy” lại có hiệu lực như thế.

“Phong chấn thức” trong Tần luật là nội dung liên quan đến nguyên tắc xét xử, và những quy định và án lệ đối với các công việc điều tra, thẩm vấn, tra xét... Ví dụ trong “Tấn ngục” (Tra án) có chép: “Việc thẩm vấn, trước tiên phải nghe họ nói mà ghi lại, người nào nói

lời cung khai của người đó, tuy đã biết là khai gian dối, cũng không được tự ý hỏi vặn. Khi họ nói hết, chép lại mà không giải án được, thì người thẩm vấn sẽ thẩm vấn họ. Thẩm vấn cũng phải nghe cho hết rồi chép lại, sau đó mới giải án, thấy chỗ khác chưa giải được, thì lại thẩm vấn lại”. Ở đây, bảo đảm quyền lợi được nói của kẻ nghi phạm, bị cáo và nguyên cáo mỗi bên đều được nói ý kiến của mình, đối chứng ghi chép nhiều lần. Tần Thủy Hoàng thực thi chính sách này đã đi trước cả phương Tây mấy nghìn năm.

Cho dù dùng hình, cũng có quy định nghiêm khắc. “Cật vấn mà vẫn khai gian dối, càng nói càng bất hợp lý, thì luật nên đánh roi, đánh gậy. Đánh bằng roi, gậy thì phải chép: đã khai gian dối bao nhiêu lần, không chịu giải thích đúng sự tình, đánh roi thẩm vấn”. Tức là khi nghi phạm cự tuyệt không nói rõ sự tình, xảo ngôn dối trá, liên tiếp thay đổi lời khai, có quy định pháp luật những tình tiết có thể dùng hình, còn phải ghi chép lại (viên thư), rồi mới được đánh roi.

“Hỏi đáp pháp luật” dùng hình thức hỏi đáp để giải thích mục đích của các điều khoản, thuật ngữ và luật văn của Tần luật, tương đương với giải thích pháp luật ngày nay. Chủ yếu là giải thích bộ phận chính của Tần luật (tức tương đương Luật hình sự ngày nay), ngoài ra còn một số giải thích trình tự tố tụng.

Thông qua việc chế định ra các pháp luật và các biện pháp thực thi pháp luật này, Tần Thủy Hoàng đã trị sửa phong tục của dân chúng, giáo hóa thiên hạ, “Nghiêm cấm dân dật, nam nữ trong sạch thành thật” (Bia đá Cối Kê), không chỉ chấn hưng phong tục dân chúng đương thời, còn mở đầu nền chính thống cho hậu thế, tức “tục

đồng luân” hoặc “hành đồng luân” (tức là phong tục thống nhất, hành vi thống nhất).

Tần luật được hoàn thành, ban bố và thực hiện, chính là cột mốc đánh dấu cho những nỗ lực vĩ đại sau khi thống nhất. Vương triều Tần thống nhất là sự thống nhất toàn diện trên mọi phương diện, ngoài thống nhất pháp luật, còn thống nhất kinh tế và văn hóa. Triều Tần tuy chỉ tồn tại ngắn ngủi 15 năm, nhưng thể chế hoàng quyền, pháp luật, kinh tế, văn tự đã được các triều đại sau này áp dụng, kéo dài trên 2000 năm.

Chương 3 (P3) – Tôn kính Trời Đất, tín ngưỡng Thần

9. Phong Thiện tế Trời, kính Trời tín Thần

Tần Thủy Hoàng đã năm lần tuần du về phía Đông, và trong lần tuần du cuối cùng ông đã quy thiên. Trong các lần tuần du phương Đông, Tần Thủy Hoàng đều làm lễ Phong Thiện tế Trời, thể hiện sự kính Trời tín Thần.

Phong Thiện là một nghi lễ để các bậc đế vương cổ đại tế cáo Trời Đất. Các thư tịch như *Sử ký – Phong Thiện thư*, *Luận hoành* và *Hàn thi ngoại truyện* đều có ghi chép, từ thời Viêm Đế trở lại đã có 72 vua đến làm lễ Phong Thiện tại núi Thái Sơn, các vị vua thánh như Phục Hy, Thần Nông, Viêm Đế, Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Chu Thành Vương... đều đến Thái Sơn làm lễ Phong Thiện. Sử sách có chép, Hoàng Đế đã từng đến Thái Sơn phong thiện. Trước cuộc đại chiến với Xi Vưu ở Trác Lộc, Hoàng Đế cũng chọn chân núi Thái Sơn để tập trung chúng thần. *Sử ký – Phong Thiện thư* nói: “Mỗi đời hưng thịnh, thì đều cử hành lễ Phong Thiện để báo đáp công đức của Trời, đến thời suy thì ngừng không cử hành nữa”. Bậc đế vương khi nhiếp chính, khiến thiên hạ thái bình, dân sinh yên lành, mới có thể phong thiện, báo công với Trời.

Tần Thủy Hoàng vào năm thứ 28 (năm 219 TCN), dẫn 70 người gồm các đại thần văn võ và các tiến sĩ nho sinh, đến núi Thái Sơn cử hành đại lễ Phong Thiện long trọng. “Phong” là chỉ đàn đất tế Trời, “Thiện” là tế Đất, tức là tế Đất ở nơi bằng phẳng trên quả núi nhỏ dưới

núi Thái Sơn. Đồng thời khắc đá, lập bia (bia đá Thái Sơn) viết rằng:

“Hoàng đế đấng vị, định ra chế độ pháp luật sáng suốt, thần hạ nghiêm cẩn tuân thủ thi hành. Năm thứ 26, lần đầu tiên thống nhất thiên hạ, không đâu không thần phục. Nay tự thân tuần thị lê dân phương xa, lên núi Thái Sơn, ngắm nhìn biên cương phía Đông. Tùỳ tùng quần thần tưởng nhớ chuyện xưa, truy tìm căn nguyên kiến công lập nghiệp, cung kính ca tụng công đức của Hoàng đế. Đạo trị quốc cứ thể vận hành, các ngành sản xuất thích hợp, đều có quy cách tiêu chuẩn. Đạo nghĩa vĩ đại, tốt đẹp, an ổn, truyền lại làm gương đời sau, con cháu cứ thể kế thừa chớ có thay đổi. Hoàng đế anh minh thánh đạt, dù đã bình định thiên hạ, vẫn giữ mình không dám buông lơì việc nước. Thức khuya dậy sớm, mưu hoạch lợi ích lâu dài cho quốc gia, chuyên chú dạy bảo giáo hóa lê dân. Răn dạy lê dân khắp nơi, bất luận gần xa đều hiểu được trị lý, thi hành thánh chí của Hoàng thượng. Quý tiện phân rõ, nam nữ làm việc theo lễ, mỗi người đều tận chức trách. Quang minh phổ chiếu gần xa, khắp nơi thanh tịnh an ổn, chế độ này cần kéo dài tới con cháu các đời sau, giáo hóa tới vô cùng. Con cháu đời sau nên tuân thủ di chiếu của Thủy Hoàng, vĩnh viễn noi theo những lời dạy quan trọng này”.

Tần Thủy Hoàng đi tuần du, đã tới núi Cửu Nghi (cũng có tên là núi Thương Ngô, phía Nam huyện Ninh Viễn, Hà Nam ngày nay), làm lễ vọng bái Ngu Thuấn, tương truyền sau khi Ngu Thuấn chết thì an táng ở núi này. Tần Thủy Hoàng còn lên núi Cối Kê (ở giữa Thiệu Hưng, huyện Thặng, Chư Kị, Đông Dương, tỉnh Chiết Giang ngày nay), tương truyền Đại Vũ năm xưa đã đại

hội chur hầu ở đây, vì đó ngọn núi ngày nay có tên “Cối Kê”. Tần Thủy Hoàng lên núi này để ngắm trông biển Nam Hải, do đó còn có tên núi “Tần Vọng Sơn”.

10. Tuần du thị sát thiên hạ, cho khắc bia đá để ca tụng công đức

Tần Thủy Hoàng năm thứ 28 (năm 219 TCN) đi tuần du về phía Đông. *Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ* có chép: “Tần Thủy Hoàng đi tới phía Nam, lên núi Lang Nha, vô cùng yêu thích nơi này, ở lại ba tháng. Vì thế, lệnh cho ba vạn hộ dân các nơi tới sống ở dưới núi Lang Nha. Lại xây Lang Nha đài, lập bia đá (bia đá Lang Nha), ca tụng công nghiệp của triều Tần, thể hiện chỗ đặc ý của bản thân”, đại ý rằng:

“Năm thứ 26, Hoàng đế đăng cơ. Đặt ra pháp luật chế độ ngay thẳng, công bằng, vạn vật đều có kỷ cương. Quan hệ nhân luân rõ ràng, phụ tử hợp lực đồng tâm. Thánh thượng cơ trí nhân nghĩa, tuyên giảng đạo lý sáng suốt rõ ràng. Phía Đông vỗ yên biên thổ, thị sát quan binh. Đại nghiệp đã định, vì thế tuần hành quốc thổ tới tận ven biển. Đây là công lao của Hoàng đế, chăm chỉ tài năng, khuyến nông ức thương, là phúc của lê dân. Khắp nơi trong thiên hạ đều làm tốt chức trách công việc của mình. Thống nhất chế độ đo lường, thống nhất văn tự. Phàm là những nơi Mặt Trời Mặt Trăng soi sáng, nơi xe thuyền đi lại, không ai không tuân thánh lệnh, dân chúng đều được hưởng sung túc, như ý. Thuận theo sự thay đổi bốn mùa hành sự, là Đại Tần Hoàng đế. Sửa đổi, chỉnh đốn phong tục bỉ lậu, khơi sông thông núi, tiếct thương xương máu lê dân, sớm tối không ngơi nghỉ. Bỏ đi pháp lệnh khiến người nghi hoặc, xác định pháp

luật từng điều rõ ràng, để mọi người đều biết mà tránh phạm hình phạt. Quận thủ các nơi đều tận chức trách, các vấn đề xử lý nhanh chóng, đơn giản. Các hành động biện pháp thực thi thỏa đáng, mọi việc sắc nét. Hoàng đế thánh minh, tuần sát tứ phương. Các loại người quý tiện đều theo tôn ti, không dám vượt cấp. Kẻ gian tà ác nghiệt không làm điều Tần pháp không dung, bách tính đều mong mỗi người chính đạo thiện lương. Bất luận việc lớn việc nhỏ, mọi người đều nỗ lực không nề hà. Bất luận người ở gần xa, nơi hoang vu hẻo lánh, đều nghiêm túc trang trọng. Đôn hậu trung thành, mọi việc theo phép, sự nghiệp mới có thể trường cửu. Đức của Hoàng đế, an định tứ phương. Tru loạn trừ hại, hưng lợi tạo phúc. Tiết kiệm của dân, các ngành phát triển, bách tính an cư lạc nghiệp, không động binh đao. Lục thân thân cận hài hòa, không có cường đạo trộm cắp. Mọi người vui vẻ tuân phụng giáo hóa, đều hiểu rõ luật lệnh. Giữa thiên địa, khắp bốn phương đều là lãnh thổ của Hoàng đế. Phía Tây qua Lư Sa, phía Nam tới Bắc Hộ, Đông có Đông Hải, Bắc qua Đại Hạ. Nơi nào có dấu tích con người, không ai không xưng thần. Công lao Hoàng đế vượt qua Ngũ đế, ân trạch tới cả ngư mã. Người người đều được nhờ ân đức, nơi nơi an cư lạc nghiệp.

Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, lập ra danh hiệu Hoàng đế, rồi tuần du phương Đông đến Lang Nha. Có Liệt hầu Vũ Thành hầu Vương Ly, Liệt hầu Thông Vũ hầu Vương Bôn, Luân hầu Kiến Thành hầu Triệu Hối, Luân hầu Xương Vũ hầu Thành, Luân hầu Vũ Tín hầu Phùng Vô Trạch, Thừa tướng Ngỗi Lâm, Thừa tướng Vương Quán, Khanh Lý Tư, Khanh Vương Mậu, Ngũ đại phu Triệu Anh, Ngũ đại phu Dương Cù theo hầu, cùng

ngộ sự trên bờ biển, nói rằng: “Các bậc đế vương xưa, đất chẳng quá ngàn dặm, các chư hầu tự bảo vệ đất phong, có người vào triều kiến, có người không vào triều kiến, xâm chiếm lẫn nhau, công phạt thương hại không dứt, mà vẫn khắc bia bảng ghi lại công nghiệp bản thân. Xưa Tam Vương Ngũ Đế, trí năng giáo hóa khác nhau, chế độ pháp lệnh không rõ, chỉ dựa uy linh quỷ thần, để bức hiếp nơi xa, sự thực không xứng với danh hào, do đó không lâu dài. Người còn đang tại vị mà chư hầu đã làm phản, pháp lệnh không được thi hành. Nay Hoàng đế thống nhất thiên hạ, đặt ra các quận huyện, thiên hạ hòa bình. Rạng ngời tông miếu, tuân theo đạo nghĩa, thực thi đức hành, tôn hiệu Hoàng đế xác thực đầy đủ. Quần thần cùng ca tụng công đức Hoàng đế, hơn nữa khắc lời ca tụng đó lên bia vàng, làm điển phạm cho đời sau”.

Chữ “hoàng” (皇) trong *Thuyết văn giải tự* nghĩa là “to lớn, là tông tự (自), tự cũng là bắt đầu”. Sau này chữ “tự” giản hóa thành chữ “bạch” (白). Trên chữ “vương” (王) đội lên chữ “bạch” (mang nghĩa vị vương đội trên đầu mũ trắng), tức “vị vua huy hoàng”, để phân biệt với vị “vương” bình thường. Các bậc xưng Hoàng đầu tiên là Tam Hoàng, họ đều là những vị đại quân chủ. Sách *Thượng thư - tự sơ* gọi Hoàng, là cái danh to lớn tốt đẹp, là danh xưng lớn hơn Đế. “Hoàng” cũng là chỉ về một chủng Thần trong thần thoại.

Danh xưng “Hoàng đế” của Trung Quốc bắt đầu từ Tần Thủy Hoàng. Các bậc Thiên tử sau đời Tần đều dùng theo danh xưng này. Sáng Thế Chủ đã an bài Tần Thủy Hoàng là “Thủy - Hoàng - Đế” đầu tiên của kỷ nguyên mới, đã phú cho ông vinh diệu và uy phong ngạo nghễ

nhìn trời đất, không cần nói cũng biết. Hơn nữa, xu thế tổng thể của đạo đức nhân loại là đang trượt dốc, mỗi một “Thiên cổ anh hùng” đều là thụ thiên mệnh riêng của mình. Đến thời Tần, đạo đức con người đã kém xa thời Nghiêu, Thuấn, nếu vẫn dùng cách trị vì năm xưa thì không thể có tác dụng nữa, Thủy Hoàng Đế cần phải có các biện pháp, pháp luật của hoàng triều Đại Tần trị vì thiên hạ, giáo hóa con dân. Do vậy, công tích của Tần Thủy Hoàng rất khổng lồ, ân đức rất lớn, không kém gì Tam Hoàng Ngũ Đế vậy.



*Một phần “Bia đá Lang Nha Đài” bản khắc đời Tống
(Nguồn internet)*

Trong khi Tần Thủy Hoàng tuần du Lang Gia phía Đông, gặp “Thiên Tuế Ông” An Kỳ Sinh ở Lao Sơn. An Kỳ Sinh theo sư phụ Hà Thượng Công. An Kỳ Sinh và Tần Thủy Hoàng “đàm đạo ba ngày đêm” về đạo tu luyện dưỡng sinh. An Kỳ Sinh còn để lại sách cho Tần Thủy Hoàng rồi ra đi, đồng thời nói, ngàn năm sau “tìm tôi ở núi Bồng Lai” (trích trong *Hán – Lưu Hưong – Liệt tiên truyện, Tấn Hoàng Phủ Mật Cao sĩ truyện*).

Năm sau, Tần Thủy Hoàng lại tuần du vùng Lang Nha, Chi Phù, sau khi leo núi Chi Phù, cũng khắc bia đá (bia đá Chi Phù). Trên bia đá ghi đại ý là: “Năm thứ 29, vào dịp giữa xuân, khí dương hòa. Hoàng đế tuần du phương Đông, lên núi Chi Phù, nhìn ngắm biển lớn. Đại thần tùy tùng ngắm nhìn cảnh đẹp, hồi tưởng công tích sự nghiệp vĩ đại của Hoàng đế, ca tụng cảnh sáng nghiệp. Bậc thánh nhân trị vì quốc gia, xây dựng pháp độ, làm rõ kỷ cương. Đối ngoại răn dạy chư hầu, thực thi ân huệ rộng khắp, dùng lý nghĩa soi sáng. Quân chủ lực quốc tà ác tham lam vô sỉ, bạo ngược bách tính, chém giết không thôi. Hoàng đế thương cảm bách tính, xuất quân thảo phạt, tỏ rõ võ đức. Tru phạt vì chính nghĩa, hành sự bằng chính tín, nên uy đức vang xa, khiến muôn nơi thần phục. Hoàng đế tiêu diệt cường bạo, cứu vớt bách tính, an định khắp gầm trời. Thực thi pháp độ nghiêm minh khắp nơi, trị lý thiên hạ, trở thành khuôn phép mãi mãi”.

Lại khắc một bia đá ở Đông Quan (bia đá Đông Quan), đại ý là: “Năm thứ 29, Thủy Hoàng du xuân. Quần thần tùy tùng đều cảm tạ đạo trị quốc anh minh. Thánh pháp mới hưng thịnh, bên trong trị vì bờ cõi, bên ngoài tiêu diệt cường bạo. Uy danh quân đội hiển hiện

khấp chốn, chấn động hoàn vũ, cuối cùng diệt sáu nước. Nhất thống thiên hạ, tận diệt họa hoạn, vĩnh viễn dừng chinh chiến. Hoàng đế minh đức, trị vì khấp cõi, xem xét lắng nghe không chút lơ lửng. Làm các việc đại nghĩa, đặt rõ quy củ, căn cứ rõ ràng. Quần thần đều tuân theo chức phận, ai làm phạm nấy, công việc rõ ràng không hiềm nghi. Bách tính được giáo hóa thay đổi tập quán xấu, khắp nơi xa gần đều tuân theo phép tắc, xưa nay chưa từng có. Chức phận đã định, kể tự theo đại nghiệp, mãi mãi giữ nền thánh trị”.

Để kỷ niệm người tu luyện Đạo gia đã phi thăng là Mao Mông, Tần Thủy Hoàng đổi tên lễ Lạp tế vào tháng 12 hằng năm thành Gia Bình, sách *Sử ký tập giải* của Tống Bùi Nhân đời Nam triều dẫn *Thái nguyên chân nhân Mao Doanh Nội kỷ* viết:

“Ngày Canh Tý tháng 9 năm Tần Thủy Hoàng thứ 31, cụ tổ của Mao Doanh là Mao Mông, ở trong núi Hoa Sơn, cưới mây cưới rồng, bạch nhật thăng thiên. Lúc đó trong ấp của ông có bài đồng dao rằng: “Người đấng Thần Tiên Mao mới thành, cưới rồng bay lên cung Thái Thanh, lúc xuống Huyền Châu bôn Xích Thành, đời tiếp mà đi là Doanh mình, vua nếu học đổi Lạp Gia Bình”. Thủy Hoàng nghe được đồng dao, hỏi nguyên do, các phụ lão đều khẳng định đồng dao về Tiên nhân này, khuyên vua cầu thuật trường sinh. Do đó đổi lễ Lạp tế thành “Gia Bình””.

Con trai của Mao Mông làm thị tòng bên Tần Thủy Hoàng, do đó Tần Thủy Hoàng nắm rõ chuyện Mao Mông ở núi Hoa Sơn, cưới mây cưới rồng, bạch nhật thăng thiên như lòng bàn tay. Đời sau của Mao Mông là Mao Doanh, Mao Cố, Mao Trung, đều tu luyện thành

Tiên, chính là Tam Mao Chân Quân mà các đời Đạo gia tôn sùng.

Tần Thủy Hoàng năm thứ 32 (năm 215 TCN), Thủy Hoàng lần thứ tư đi tuần hành, từ quận Thượng (Du Lâm, Thiểm Tây ngày nay), đi qua Cửu Nguyên, Vân Trung, Nhạn Môn, Thượng Cốc, Ngự Dương, Hữu Bắc Bình, đến Kiệt Thạch, và có khắc “Kiệt Thạch Môn từ” nổi tiếng.

Bài từ viết: “Xuất quân dụng binh, diệt trừ vô đạo, kẻ phản nghịch đều bị tiêu diệt hết. Dùng võ diệt trừ bạo ngược, lấy lại lẽ công bằng cho người vô tội, lòng dân quy phục. Luận công phong thưởng, ân trạch đến cả loài trâu ngựa, đất đai trở nên phì nhiêu. Hoàng đế oai phong, lấy đức nghĩa thống nhất chư hầu, thiên hạ thái bình. Dỡ bỏ thành cũ, đào thông sông ngòi, dẹp bằng hiểm trở. Địa thế đã bằng phẳng, dân không phải phục dịch, thiên hạ yên ổn. Đàn ông vui vẻ cày cuốc, đàn bà chăm chỉ việc nhà, mọi việc rành mạch. Ân huệ phủ bách nghiệp, hiệp lực cày cuốc, không ai không an cư. Quần thần kính tụng sự nghiệp vĩ đại, kính cẩn khắc bia này, để lưu lại quy củ mẫu mực mãi mãi”.

Chương 3 (P4) – Tu hành, hoằng dương tu luyện

11. Đốc sức tu hành, hoằng dương tu luyện

Thời thượng cổ là thời mà nhân Thần đồng tại, thần tích thường hiển hiện. Ở thời đó, chuyện con người tín Thần, tu luyện, đắc Đạo thành Tiên không phải là việc hiếm thấy; trong các danh sơn đại xuyên có cả những người tu luyện đắc Đạo sống lâu mấy nghìn tuổi. Các bậc thánh hoàng cổ đại như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Hoàng Đế, họ ngoài việc là bậc quân chủ trị vì thiên hạ, thì việc gặp Tiên hỏi Đạo, tu thân dưỡng tính đối với họ cũng được coi là việc tự nhiên. Khi sứ mệnh của họ ở chốn nhân gian kết thúc, thì cũng là lúc họ tu luyện thành công, viên mãn phi thăng, những trường hợp như vậy cũng không phải là ít.

Người đời sau, trong bối cảnh lễ băng nhạc hoại, đạo đức tụt dốc, con người ngày càng rời xa Thần linh, Thần cũng ngày càng không hiển thị thần tích với người đời. Tu luyện thành Tiên dần dần trở thành việc “bí mật” của người tu luyện xuất thế, thậm chí dần dần bị người đời cho là “thần thoại”, dường như là việc không thể.

Nhưng Sáng Thế Chủ không vứt bỏ con dân của Ngài, vì vậy đã không ngừng phái các sứ giả đến để thức tỉnh con người rằng: tu luyện đề cao, trở lại thiên đường là mục đích chân chính của đời người và là nơi trở về tốt nhất. Văn hóa tu luyện tu thân dưỡng tính, phản bổn quy chân, đó là một bộ phận đáng trân quý, đáng giữ gìn nhất trong văn hóa Thần truyền Trung Hoa.

Pháp môn tu luyện Đạo gia đa phần là mật truyền và đơn truyền, không hiển lộ cho người ngoài. Tu luyện là việc cá nhân của người tu luyện, người không tu luyện sao có thể biết được thần diệu trong đó? Rất nhiều người viết sử không hiểu tu luyện, họ dùng quan niệm hẹp hòi của mình lọc bỏ các sự thật lịch sử, khiến cho rất nhiều thần tích tu luyện chân thực không được ghi chép và lưu truyền lại trong sử sách. Rất nhiều sử sách cho rằng Tần Thủy Hoàng giao tiếp, đàm đạo với các Thần Tiên là không có căn cứ, cho rằng Tần Thủy Hoàng dốc sức tu hành, truyền bá rộng rãi tu luyện, phản bốn quy chân, tu Đạo thành Tiên là tham sống sợ chết, chỉ mong tìm thuốc trường sinh bất lão. Họ đã dẫn ra một loạt các kết luận hoang đường, gây hiểu nhầm cho người đời sau.

Thực ra, Tần Thủy Hoàng mỗi lần tuần hành phía Đông đều để lại rất nhiều truyền thuyết thần tích.

Tần Thủy Hoàng đối đãi với người tu luyện rất trọng thị, thường cùng họ thảo luận về đạo lý tu luyện, Thần Tiên, Chân Nhân và trường sinh. Thủy Hoàng đã từng nói: “Ta ngưỡng mộ Chân Nhân, sẽ tự xưng “Chân Nhân” không xưng là “Trẫm”” (*Sử ký - Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). Ông không chỉ tự mình chuyên tâm tu luyện, dốc sức tu hành, mà còn dốc sức hoằng dương tu luyện, truyền bá chính đạo. Không chỉ đề xướng nơi dân gian, cung đình vùng đất Hoa Hạ, ông còn nhiều lần phái người vượt biển hoằng dương.

Trong *Thập di ký* của Vương Gia đời Đông Tấn có chép chuyện Tần Thủy Hoàng gặp dị nhân Uyển Cừ: “Có người dân Uyển Cừ, cưỡi thuyền ốc đến. Thuyền hình vỏ ốc, có thể lặn xuống đáy biển mà nước không

chảy vào, thuyền ốc này còn được gọi là thuyền Luân Ba. Người Uyển Cừ cao 10 trượng, bện lông chim da thú che thân. Thủy Hoàng đàm luận với người Uyển Cừ, nói đến những chuyện trời đất thừa sơ khai, người đó nói ra như thể là tận mắt nhìn thấy vậy. Dị nhân nói: “Khi tôi còn trẻ đã từng ngự không mà đi, mỗi ngày có thể đi vạn dặm (một dặm Trung Quốc là 0.5 km). Đến khi già ngồi một chỗ cũng có thể nhìn thấy những chuyện bên ngoài trời đất. Nước tôi nằm cách Hàm Trì nơi Mặt Trời hạ xuống chín vạn dặm, một ngày ở chỗ tôi là một vạn năm ở đây. Bình thường nước tôi được bao phủ bởi một màn sương mù, vào ngày trời nắng, mây trên trời như bị tách khai ra, ánh sáng chiếu đến sáng như sông Trường Giang, Hán Thủy, khi ấy sẽ có hắc long hắc phượng bay lượn rồi hạ xuống. Đêm đến, dùng đá lửa chiếu sáng thay cho Mặt Trời. Loại đá này có nguồn gốc từ núi Nhiên Sơn, đất đá trên núi Nhiên Sơn đều có thể phát ra ánh sáng, đánh vào nhau liền vỡ, đá lửa có hình dạng như một hạt gạo nhỏ, mỗi một viên có thể chiếu sáng cho một gian phòng. Khi xưa, Viêm Đế cũng dùng loại lửa đó để thay đổi tập quán ăn thịt sống của con người. Nay người dân nước tôi dâng lên Hoàng đế loại đá đó. Có người ném loại đá này vào suối làm nước sôi sục tỏa ra khói hòa với nước chảy xa 10 dặm, người ta gọi nước đó là “Tiêu Uyên”.

Nước tôi cách núi Phần Sơn của Hiên Viên Hoàng Đế mười vạn dặm, khi xưa con cháu của tộc Thiếu Điển là Hoàng Đế khai thác đồng xanh ở núi Thú Sơn và đúc đồng ở núi Kinh Sơn. Tôi đã nhìn thấy ở trong nước của ông có khí của vàng và lửa vận động, tôi đến xem thì đỉnh đồng đã được đúc xong. Lại thấy Ký Châu có

khí lạ, ứng với điềm có thánh nhân ra đời, sau đó quả nhiên Khánh Đô sinh ra Nghiêu. Lại thấy mây đỏ bay vào Phong Hạo, tôi cũng đến xem thì thấy đó là điềm báo cát tường hưng thịnh. Tần Thủy Hoàng nói: “Quả là Thần nhân!” Thủy Hoàng lại càng tin vào chuyện Thần Tiên và thuật Thần Tiên hơn nữa”.

Tần Thủy Hoàng năm đó ở Kiệt Thạch sai Hàn Chung (còn có tên gọi khác là Hàn Chúng, Hàn Chung) đi biển cầu Tiên tầm dược, đồng thời hoằng dương văn hóa tu luyện Hoa Hạ. Thành phố Tần Hoàng Đảo ngày nay là đặt theo tên Tần Thủy Hoàng, bởi vì năm xưa Tần Thủy Hoàng đã từng tuần du đến đây. Chuyện Hàn Chung tu luyện thành Thần, cũng được ghi chép lại trong lịch sử. Tư Mã Thừa Trinh đời Đường viết trong *Động thiên phúc đại ký* rằng: “Động thứ 23 Chân Khư – ở huyện Trường Sa, Đàm Châu, là nơi Tây nhạc Chân Nhân Hàn Chung tu luyện”. Tên gọi Thần (Tần) Hàn xưa của nước Hàn Quốc cũng có tên bắt nguồn từ Hàn Chung. Nước Tân La trên bán đảo Triều Tiên cổ đại cũng là phát triển lên trên cơ sở nước Thần (Tần) Hàn. Lý Diên Thọ viết trong *Bắc sử* rằng: “Người Tân La, tổ tiên của họ chính là chủng người Thần (Tần) Hàn vậy”.

Tần Thủy Hoàng tuần du núi Vinh Thành cũng để lại rất nhiều di tích, truyền thuyết cho hậu thế. Di tích Tần Kiều còn có tên Tần Hoàng Kiều, ở trên biển phía Nam đầu núi Thành Sơn, được cấu thành bởi bốn tảng đá tự nhiên lớn trên biển. Do các mỏm đá cao chót vót, chỗ liền chỗ đứt, tùy theo thủy triều lên xuống mà ẩn hiện trên mặt biển, hình dáng như cây cầu, như được con người bắc vậy.

Sách *Tam Tề lược ký* thời kỳ Thập Lục Quốc có viết: “Thủy Hoàng làm cầu đá, vượt biển ngắm nơi Mặt Trời mọc, có Thần nhân gọi đá xuống, đá từ 13 ngọn núi ở Thành Dương, trên cao lữ lượt nối nhau mà đi, đá mà không đi nhanh, Thần nhân lấy roi đánh chảy máu, ngày nay đá trên những tảng đá núi được gọi đến đó đều màu đỏ”. “Thủy Hoàng làm cầu ngắm Mặt Trời, Thần Biển bèn xua đá dựng cột. Thủy Hoàng cảm động ân huệ đó, liền cầu kiến. Thần nói: “Tôi xấu xí, đừng vẽ hình tôi, thì sẽ gặp bệ hạ”. Thủy Hoàng xuống dưới biển 40 dặm, gặp Thần. Tùynùng có kẻ xảo trá, ngầm vẽ chân dung Thần, Thần nổi giận nói: “Bệ hạ bội ước, hãy đi mau đi”. Thủy Hoàng quay ngựa, chân trước vừa bước qua đá ở sau liền sụp đổ, vừa kịp lên bờ”.

Đoạn này miêu tả việc Thần Núi gọi đá xây cầu cho Tần Thủy Hoàng và việc Thủy Hoàng gặp Thần Biển, Thần Biển cũng dùng các cột đá để xây cầu đá cho Tần Thủy Hoàng. Tuy nhiên, những người đi theo Tần Thủy Hoàng lúc đó đã bí mật vẽ hình tượng Thần Biển khiến Thần Biển tức giận và phá hủy cây cầu, vì Thần Biển đã có lời từ trước, rằng không được vẽ lại hình ảnh của ông, nếu không vẽ hình thì ông sẽ gặp Tần Thủy Hoàng.

Năm đó, Tần Thủy Hoàng quay ngựa về đến bờ, cây cầu đã xây dựng xong phía sau lưng bắt đầu sụp xuống. Tần Thủy Hoàng vừa bước lên bờ, toàn bộ cây cầu đá chìm xuống đáy biển, chỉ còn sót lại bốn trụ cầu gần bờ, lúc ẩn lúc hiện giữa những con sóng lớn, và được bảo tồn mãi cho đến ngày nay. Cho đến nay, trên những tảng đá màu đỏ đầu núi Thành Sơn đầy những lằn rãnh, đó là những vết roi Thần Núi năm xưa đánh lên đá. Các mỏm đá núi Vinh Thành nhờ Tần Thủy Hoàng mà tiếng

tấm truyền xa, được liệt vào một trong tám cảnh đẹp của Vinh Thành, được lưu truyền đến ngày nay.

Tần Thủy Hoàng đi tuần du phía Đông lần thứ năm, lại đến Lang Nha, đến nơi năm xưa gặp An Kỳ Sinh, đồng thời dựng đình thờ An Kỳ Sinh tại mười mấy nơi dọc theo bờ biển, đổi tên Thanh Cốc trong núi Thiên Thai thành suối Vọng Tiên. Những di tích thờ An Kỳ Sinh do Thủy Hoàng Đế năm xưa xây dựng đến nay vẫn còn có thể thấy được.

Gần 1000 năm sau, đại thi nhân đời Đường, thi Tiên Lý Bạch đã hoàn thành ước nguyện gặp lại An Kỳ Sinh của Tần Thủy Hoàng, đồng thời nói đến An Kỳ Sinh trong bài thơ “Ký Vương Ốc sơn nhân Mạnh Đại Dung” (Gửi Mạnh Đại Dung người núi Vương Ốc), thơ rằng:

“Xưa tôi trên Đông Hải, Lao Sơn thưởng tử hà.

Tương kiến An Kỳ Công, ăn táo to như dưa.

Trung niên yết kiến vua, chẳng thỏa chí, hồi gia.

Dung nhan phai xuân sắc, tóc bạc kể sinh nhai.

Hằng mong đắc tiên dược, bay lên cỗ xe mây.

Muốn theo Phu tử lên thiên đàn, cùng với Tiên nhân quét hoa rơi”.

Lý Bạch còn miêu tả cảnh gặp An Kỳ Sinh trong bài thơ “Cổ phong chi thất”:

“Năm hạc Tây Bắc bay, cao vọt chín tầng mây.

Tiên nhân trên mây biếc, tự nói tên An Kỳ.

Hai chú Bạch Ngọc Đồng, vui thổi Tử Loan Sênh.

Bỗng nhiên người biến mất, nhạc trời gió thoảng bay.

Tôi đây vừa muốn hỏi, Sao Băng đã vụt bay.

Muốn ăn kim quan thảo, thọ ngang cùng trời cao”.

Lý Bạch viết trong *Lư Sơn dao - Ký Lô thị ngự hư chu* rằng:

“Xưa kia mồ hôi chảy cõi đất xa, muốn dẫn Lư Ngạo đạo Thái Thanh”.

Trong thơ, Lư Ngạo chính là một nhà bác học ở bên Tần Thủy Hoàng năm xưa. Năm xưa, Lư Ngạo chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tần Thủy Hoàng, từ quan ẩn cư, tìm gặp được Chân Nhân, được truyền thụ bí quyết tu luyện thành Tiên, bèn bỏ đi xa, ẩn cư nơi núi sâu tu luyện, đạo tu thành phi thăng. Hán Vũ Đế đời sau vào năm Nguyên Đỉnh thứ tư, để kỷ niệm Lư Ngạo, đã lập huyện Lư Thị ở Hà Nam.

Tần Thủy Hoàng tại Lang Nha đã sai Từ Thị (còn gọi là Từ Phúc) đi ra biển về phương Đông cầu Tiên tìm thuốc tiên, đồng thời truyền bá rộng rãi đạo tu luyện Trung Hoa. Sách *Thái bình quảng ký* chép rằng, thời Tần Thủy Hoàng, “ở Đại Uyển (một nước ở Tây Vực), người chết oan đầy đường, có chim tha cỏ để lên mặt người chết, liền sống lại. Có quan địa phương báo lên, Tần Thủy Hoàng sai đem cỏ đó hỏi Quý Cốc tiên sinh. Tiên sinh nói: “Giữa biển lớn có 10 châu, là Tổ Châu, Doanh Châu, Huyền Châu, Viêm Châu, Trường Châu, Nguyên Châu, Lưu Châu, Quang Sinh Châu, Phượng Lân Châu, Tụ Quật Châu, cỏ này là Bất tử thảo ở Tổ Châu. Sinh trưởng ở Quỳnh Điền, cũng có tên là Dương thần chi. Lá nó như nắm, không mọc theo bụi, mỗi cây có thể cứu sống 1000 người”. Tần Thủy Hoàng nghe Quý Cốc tiên sinh nói, bèn sai Từ Thị đi biển tìm Ngọc sơ kim thái và cỏ tiên”. Tương truyền Từ Thị là đồ đệ của Quý Cốc Tử, do đó Tần Thủy Hoàng sai Từ Thị ra biển đi về phía Đông để tìm. Ở Nhật Bản, Từ Thị được tôn xưng là Thần nông, Thần dâu tằm, Thần y dược. Nghiên cứu lịch

sử Nhật Bản xác nhận, Từ Thị chính là Thần Vũ Thiên Hoàng của Nhật Bản.

Hàn Chung, Từ Thị không chỉ đem theo văn tự và các loại kỹ thuật Trung Hoa mà còn đem theo văn hóa Thần truyền Trung Hoa đưa vào Hàn Quốc, Nhật Bản, khiến cho văn hóa Thần truyền Trung Hoa cắm rễ vào nhiều quốc gia lân cận. Hàn Quốc, Nhật Bản cho đến nay vẫn còn rất nhiều văn hóa tu luyện và di tích năm xưa Hàn Chung, Từ Thị vượt biển để lại, mở ra khởi đầu tốt đẹp để nhân dân các quốc gia này sau này đắc Chính Pháp, tu đại Đạo.

Rất nhiều minh quân thánh chủ đời sau cũng giống như Tần Thủy Hoàng, không chỉ bản thân kính Thần tu luyện, thái dược luyện đan, mà cũng phái người vượt biển, đem văn minh Trung Hoa, đạo tín Thần tu luyện truyền đến các nước và người dân xung quanh, đây thực sự là việc thiện lớn nhất vậy.

Ngoài ra, cầu Tiên tầm Đạo, luyện đan thái dược, là bộ phận quan trọng trong tu luyện dưỡng sinh. Trong rất nhiều môn phái Đạo gia, uống thuốc ăn đan, để đẩy các chất phế thải, chất độc trong cơ thể bài tiết ra ngoài, thân thể nhẹ nhàng khỏe mạnh, sau đó đến các bước tu luyện tiếp theo, là nguyên lý cơ bản của tu luyện. Chỉ là đời sau, đặc biệt là người cận đại, bị tác hại sâu sắc của thuyết vô thần, xa rời Thần linh, đạo đức bại hoại, không những không kính Thần kính Trời, trái lại còn chê cười cổ nhân mà thôi.

Chương 3 (P5) – Chân tướng sự kiện “Đốt sách chôn Nho”

12. Đốt những sách tạp loại của bách gia chư tử, chôn các loại Nho thuật lừa người đời

Hậu thế có rất nhiều người hể nói đến Tần Thủy Hoàng liền nghĩ đến việc “Đốt sách chôn Nho”, đồng thời coi đó là chứng cứ buộc tội Tần Thủy Hoàng tàn bạo hủy hoại văn hóa lịch sử, mà không biết được ngọn nguồn của sự kiện lịch sử này. Để có góc nhìn đúng đắn, trả lại diện mạo chân thực cho lịch sử, phần này sẽ thuật rõ chi tiết sự thật lịch sử “Đốt sách chôn Nho”, cũng như đưa ra nguyên do và ý nghĩa của sự việc này.

“Đốt sách chôn Nho” là hai biện pháp quan trọng mà Tần Thủy Hoàng thực thi sau khi diệt sáu nước nhằm thống nhất tư tưởng, bảo vệ văn hóa chính thống Thần truyền, bảo vệ tu luyện chính Đạo. Thời Xuân Thu – Chiến Quốc, Thần an bài Đạo và Nho bước đầu được truyền ra. Do lý tương sinh tương khắc, lẽ tất nhiên sẽ xuất hiện cục diện vàng thau lẫn lộn, chính tà cùng truyền. Ở thế gian, đây chính là thời mà hậu thế gọi là “bách gia chư tử”. Lúc đó chư hầu phân tranh, chiến loạn liên miên, văn hóa tư tưởng phát triển chưa từng có, các loại trào lưu tư tưởng, đoàn thể học thuật tới tấp ra đời. Chỉ riêng các phái học thuyết mà nói, đã có cái gọi là “Cửu lưu thập gia”. Trong đó có những người do Thần phái xuống để khai mở văn hóa, làm phong phú nội hàm tư tưởng nhân loại; nhưng cũng người lại cực lực phá

hoại văn hóa Thần truyền chốn nhân gian, khiến tốt xấu lẫn lộn, thật giả khó lường.

Tần Thủy Hoàng tuy dùng vũ lực chinh phục sáu nước, nhưng vì lòng nhân từ nên ông đã không đui tận giết sạch, bởi thế trong sáu nước vẫn có người mưu đồ khôi phục lại thể lực đã mất. Họ lợi dụng can nhiễu về tư tưởng, văn hóa để lừa dối, phỉ báng nền chính trị mới, can nhiễu chính Đạo, ôm mộng khôi phục lại chư hầu sáu nước. Đó thực sự là những thách thức nghiêm trọng mà Tần Thủy Hoàng phải đối mặt. Bởi vậy, bảo vệ văn hóa chính thống và thống nhất quy phạm văn hóa cho dân chúng sáu nước là xu thế tất yếu.

Trong tám năm, kể từ năm Tần Thủy Hoàng thứ 26 (tức 211 TCN) bắt đầu kiến lập chính quyền thống nhất đến năm Tần Thủy Hoàng thứ 34 (tức 213 TCN) khi Hoàng đế thực thi cái gọi là đốt sách, Tần Thủy Hoàng đã thu thập từ cung đình và dân gian sáu nước một lượng văn hiến cổ điển rất lớn. Đồng thời, Thủy Hoàng cũng tuyển chọn hơn 70 vị học giả, trao cho chức quan Bác sĩ. Ông lại triệu tập hơn 2000 học sinh đặt dưới các quan Bác sĩ, gọi là Chư sinh. Những người này có nhiệm vụ thanh lý, đánh giá các văn hóa cổ điển, bỏ cái nguy, giữ cái chân, bảo vệ văn hóa chính thống.

Tần Thủy Hoàng nói: “Ta trước đây thu thập sách thiên hạ, cái gì không được sử dụng thì bỏ hết đi, tận lực mời rất nhiều kẻ sĩ văn học thuật phương, muốn để chấn hưng nền thái bình”. Tần Thủy Hoàng đặc biệt lễ độ đối đãi các quan Bác sĩ, “Hoàng đế ban cho lễ rất hậu” (Theo *Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*).

Tần Thủy Hoàng năm thứ 34 (năm 213 TCN), trong một lần yến tiệc ở cung Hàm Dương, quan Bác sĩ Thuần

Vu Việt đề xuất phế bỏ quận huyện, lập lại phân phong, cho rằng “việc không học người xưa mà có thể lâu dài, chưa từng nghe vậy”. Đây chính là muốn Tần Thủy Hoàng khôi phục lại cái xưa kia của sáu nước, mượn xưa để chế giễu nay, phỉ báng nền chính trị mới.

Tần Thủy Hoàng cho quần thần thương nghị, Thừa tướng Lý Tư cho rằng đó là nói năng sai lầm, từ ngữ vụng về, dâng thư lên Hoàng đế rằng: “Xưa thiên hạ phân tán hỗn loạn, không ai có thể thống nhất, vì thế các chư hầu mới thôn tính lẫn nhau, những lời nói ra đều là đạo pháp cổ đại, phê bình đương thời, giả vờ khiêm tốn nhiều loạn danh thực, mỗi một người đều tán thưởng học vấn đã học được, không nghị luận chính lệnh triều đình ban bố. Như nay Hoàng đế thống nhất thiên hạ, phân biệt rõ trắng đen mà định ra ngôi chí tôn duy nhất. Nhưng kẻ đọc sách vẫn theo lệ cũ tư học, dám đông tụ tập không nghị luận pháp lệnh của triều đình, vừa nghe thấy lệnh ban ra, liền dựa vào những thứ bản thân học được mà phê bình chính triều một phen, khi vào triều thì trong lòng phản đối, khi thoái triều thì lại nghị luận như mưa trong ngõ xóm. Bọn họ dùng những lời khoa trương hùng át đi đức tính khiêm tốn tốt đẹp của Hoàng đế, làm ra những hành động kỳ quái lại lừa gạt bằng thanh danh cao, dẫn dắt đại thần và bách tính ở dưới nói điều nhạo báng. Nếu những việc như thế không cấm được, thì quyền uy của Hoàng đế sẽ bị hạ thấp, nơi triều đình sẽ hình thành bè đảng. Vì thế, nên ngăn cấm họ. Thần thỉnh cầu Hoàng thượng hạ lệnh cho sử quan, cho đốt tất cả các điển tịch không phải do Tần triều biên soạn. Trừ khi do các quan Bác sĩ nắm giữ, còn lại những sách *Kinh Thi*, *Kinh Thư* và các điển tịch bách gia chư

tử do tư nhân thu giữ nhất loạt đều phải giao cho quan địa phương đốt sạch. Kẻ nào dám tụ tập đàm luận “Thi”, “Thu” đều xử chết tại chợ. Kẻ nào lấy cổ mà nhạo báng đương thế thì tru diệt toàn tộc. Quan lại biết mà không xử thì xử cùng tội. Mệnh lệnh ban ra 30 ngày mà vẫn không đốt, thì thích chữ lên mặt, xung quân chốn biên cương, xây dựng Trường Thành. Những sách không phải đốt là những sách y dược, bốc phệ, trồng trọt. Nếu ai muốn học pháp lệnh văn tự, phải tới quan phủ, học theo quan lại” (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*). Tần Thủy Hoàng đã tiếp thu kiến nghị này.

Từ bức thư Lý Tư dâng lên có thể thấy, lúc đó tất cả các thư tịch ở nước Tần, bao gồm cả những thư tịch có lệnh thông báo rõ phải tiêu hủy, thì ở trong triều đình vẫn giữ những bộ sách hoàn chỉnh. Chu Hy đời Tống cũng nói: “Tần Thủy Hoàng đốt sách, chỉ là lệnh cho người trong thiên hạ đốt, triều đình ông vẫn lưu trữ. Như đã nói “Không phải thư tịch nước Tần biên soạn và các thư tịch mà các quan Bác sĩ giữ thì tất cả đều phải đốt sạch”, thế thì những thư tịch như lục kinh, ông vẫn lưu giữ như xưa, nhưng người trong thiên hạ thì không có. Nếu như có ai muốn tra tìm, nghiên cứu, học tập, ở chỗ các quan lại và các quan Bác sĩ đều có giữ những bộ hoàn chỉnh”.

Những thư tịch bị đốt thuộc vào hai trường hợp: hoặc là sử ký các nước trước khi thống nhất hoặc là các sách “Thi”, “Thu” và điển tịch của bách gia chư tử mà tư nhân lưu giữ. Về sử sách nước Tần, thư tịch các quan Bác sĩ lưu giữ và các sách bách tính lưu giữ về y dược, chiêm tinh toán quỷ, trồng trọt, nghệ thuật, thì không nằm trong danh sách đốt này. Các sách bị cấm trong

vòng 30 ngày phải giao nộp cho quan phủ sở tại thiêu hủy. Về việc này còn đặt ra một loạt các pháp luật, như: kẻ nào dám tụ tập đàm luận “Thi”, “Thu” đều xử chết tại chợ; kẻ nào lấy cổ mà nhạo báng đương thế thì tru diệt toàn tộc; quan lại biết mà không xử thì xử cùng tội; mệnh lệnh ban ra 30 ngày mà vẫn không đốt, thì thích chữ lên mặt, xung quân chốn biên cương, xây dựng Trường Thành...

Vũ đài Trung Hoa là một triều Thiên tử, một triều văn hóa, một triều chúng sinh. Tần Thủy Hoàng xây dựng hoàng triều Đại Tần, thay Trời, đổi Đất, thì tất nhiên sẽ mang đến văn hóa hoàn toàn mới.

Mà những thứ tạp loại trong “bách gia chư tử” lại bị một số phương sĩ, thuật sĩ và các cự thần, quý tộc sáu nước có dụng ý riêng sử dụng làm công cụ nhằm khôi phục sáu nước, nhiễu loạn nền chính trị mới, can nhiễu chính niệm của con người. Tần Thủy Hoàng chính là thiêu hủy tạp loại của bách gia chư tử, bảo hộ văn hóa chính thống.

Một năm sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách, lại phát sinh sự việc mà hậu thế gọi là “chôn Nho”. Hai sự kiện này, nhìn như khác nhau, nhưng lại có liên hệ với nhau, vẫn cần phải quy kết cho những người gọi là “Nho sinh” lúc đó. Các “thuật sĩ, phương sĩ, hủ Nho” không chỉ còn là tuyên truyền một loại tư tưởng nữa, những điều họ làm là đòi hỏi quyền lực, nhằm khôi phục lại thế lực của các nước cũ của mình. Họ “khi vào triều thì trong lòng phản đối, khi thoái triều thì lại nghị luận như mưa trong ngõ xóm”, đã là có tội nhưng vẫn chưa có chuyện chôn giết. Có thể thấy Tần Thủy Hoàng lúc đó chỉ là cấm ngôn luận mà chưa áp dụng hình phạt. Mãi cho đến khi

những thuật sĩ, phương sĩ và hủ Nho này bị phát hiện dùng phương thuật lừa bịp, phỉ báng nền chính trị, mới làm cho Tần Thủy Hoàng nổi giận, đem 467 tên “thuật sĩ, phương sĩ và hủ Nho” chôn tại Hàm Dương.

Sự kiện khởi nguồn từ hai tên phương sĩ sợ tội chạy lưu vong. Tần Thủy Hoàng bản thân vốn tu luyện, dưỡng sinh, cho nên đối với phương thuật và thuật sĩ thì đều rất tôn trọng, thường cùng với họ thảo luận về đạo lý Thần Tiên, Chân Nhân, tu luyện trường sinh. Một số phương sĩ, thuật sĩ như Hầu Sinh, Lô Sinh lấy danh nghĩa Tần Thủy Hoàng thái được luyện đan, tìm phép Tiên, đã phung phí tiền tài, nhiều lần lừa dối. Tần Thủy Hoàng quy định: “Không đắc được phương pháp, không linh nghiệm, thì phải chết”. Hầu Sinh, Lô Sinh thấy thuật lừa bịp bị bại lộ, bí mật sửa soạn bỏ chạy lưu vong. Trước khi bỏ trốn, trong *Sử ký* có chép, bọn Hầu Sinh, Lô Sinh đã phỉ báng Tần Thủy Hoàng như sau: “Thủy Hoàng là người chuyên dùng bọn quan ngục, bọn quan ngục được ân sủng. Quan Bác sĩ tuy có 70 người, chỉ là cho có mà thôi”, “Hoàng thượng thích dùng hình và giết chóc để tạo uy”. Đây đều là những lời phỉ báng, nhục mạ Tần Thủy Hoàng.

Tần Thủy Hoàng biết chuyện nổi giận: “Ta đối với đám Lô Sinh vô cùng tôn kính, ban thưởng hậu hĩnh, nay lại dám phỉ báng ta, vu cáo ta không có đức. Phương sĩ ở Hàm Dương rất nhiều, ta cho người đi tra xét, xem có kẻ nào dùng lời gian xảo mê hoặc làm loạn dân đen”. Thế là sai ngự sử xét hỏi các phương sĩ này, họ tố giác lẫn nhau, đích thân Thủy Hoàng phán quyết 460 người phạm pháp, tất cả đều bị chôn ở Hàm Dương, để cho

thiên hạ đều biết, để răn đe người sau” (*Sử ký - Tần Thủy Hoàng bản kỷ*).

Tu luyện quy chân là mục đích của đời người, dùng phương thuật lừa người, khiến cho con người mất niềm tin vào tu luyện trở về Trời là gây hại độc ác nhất đối với con người, Thiên lý không tha. Tần Thủy Hoàng nghiêm khắc trừng trị bọn thuật sĩ, hủ Nho dùng phương thuật lừa bịp người là “để răn đe người sau” nhắc nhở họ chớ phạm phải cái sai này, cũng là việc làm bảo hộ cái gốc gác của con người.

Người đời sau luôn luôn ghép sự kiện này cùng với “đốt sách”, gọi là “Đốt sách chôn Nho”. Tra cứu cội nguồn, “chôn Nho” chính là một lần thanh trừ bọn thuật sĩ, phương sĩ, hủ Nho lừa người, lừa tiền của, làm loạn nền chính trị mới: “Chôn Nho sĩ, khởi nguồn từ việc các chư sinh xảo ngôn mê hoặc nhân dân”. Tần Thủy Hoàng “Đốt sách chôn Nho” đã thanh lý tạp loạn văn hóa tư tưởng do bách gia làm rối loạn gây ra, thanh trừ hủ Nho và thuật sĩ lừa đảo bịp bợm, khiến cho nền văn hóa chính thống được lưu truyền cho hậu thế mãi không đứt đoạn, công lao vĩ đại ấy không thể xóa nhòa.

Thần sáng tạo ra nhân loại, rồi Thần lại hạ thế giảng Đạo, truyền Pháp, độ nhân, truyền cấp cho nhân loại các loại văn hóa như quân sự, binh pháp, âm nhạc, y học, nghệ thuật, các loại kỹ thuật, công nghệ... thì Thần tất cũng sẽ an bài phương cách bảo hộ nền văn hóa ấy như thế nào. Không chỉ Tần Thủy Hoàng quyết đoán thanh lý rác rưởi, mà các minh quân, hiền vương các đời sau cũng đều như thế. Đây là tính tất yếu của lịch sử.

13. Hoàn thành sứ mệnh, rút khỏi vũ đài

Thống nhất thiên hạ, vì chính Đạo chốn nhân gian đã quét sạch chướng ngại, đặt định ra đại nghiệp nghìn năm, Tần Thủy Hoàng hoàn thành sứ mệnh của triều đại mình, tới đây đã đến lúc viên mãn và thoái xuất ra khỏi vũ đài lịch sử. Văn hóa Thần truyền Trung Hoa đang chờ được mở ra một chương mới, xác lập địa vị chính thống ngoại Nho nội Đạo, một đời chúng sinh Thiên quốc đang chờ đợi xuống mảnh đất Thần Châu kết duyên, diễn dịch một triều văn hóa mới.

Trong dân gian đã có câu dự ngôn từ rất sớm rằng: “Năm thứ 36, xuất hiện Huỳnh Hoạch thủ tâm. Có sao rơi xuống Đông Quận, khi rơi xuống đất thành đá, người dân nhìn thấy trên đó khắc rằng: Thủy Hoàng Đế tử nhi địa phân” (tức là Thủy Hoàng băng, ắt có chiến tranh) (*Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ*).

Tần Thủy Hoàng quy Tiên tháng 7 năm thứ 38 (tức năm 209 TCN) trong lần đi tuần du phía Đông thứ năm. Chỉ ba năm sau đó, triều Tần kết thúc. Sau đó, phong vân lại nổi lên, chiến hỏa lại bùng cháy, Sở Hán tương tranh, quần hùng nổi dậy, vở kịch lịch sử lớn tiếp theo mở ra bằng màn binh Thánh Trung Hoa là Hàn Tín nghênh chiến Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ anh dũng vô song.

Tần Thủy Hoàng với thế gió cuốn mây tàn, đã kết thúc 500 năm chiến tranh thời Xuân Thu – Chiến Quốc, nhất thống Trung Hoa. Giai đoạn lịch sử này, nhìn bề ngoài là đan xen phức tạp, rối loạn, nhưng kỳ thực đều là sự an bài vô cùng tỉ mỉ, có trật tự của Thần.

Thần cũng lợi dụng giai đoạn lịch sử này dạy bảo thế nhân chủ trì chính nghĩa, kính Trời tôn Đạo, xử lý

phân tranh như thế nào; đồng thời dạy bảo con người rằng: Thiên ý không thể trái được. Thiên hạ thống nhất là Thiên ý, kẻ mưu đồ cản trở, phá hoại an bài của Thần ắt sẽ thất bại, ắt chịu trừng phạt. Tu thân quy chân là văn hóa, cũng là hy vọng mà Thần cấp cho con người, kẻ mưu đồ hủy hoại hy vọng này, ắt sẽ bị trừng phạt.

Tần Thủy Hoàng thuận theo Thiên thời, ứng với Địa lợi, phù hợp với nhân hòa, trong thời gian ngắn trị trăm mỗi loạn, vì nghìn năm Hoa Hạ bảo vệ chính Đạo, củng cố nền móng, là đệ nhất thiên cổ Hoàng đế hùng tài đại lược, gan dạ phi phạm. Ông nhân từ khoan dung, thành thật đối đãi người vượt xa các đế vương thông thường.

Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, thay đổi thể chế, xây cung điện lộng lẫy, đắp Trường Thành, làm đường giao thông thủy, tuy hợp với Thiên ý, lợi cho văn hóa, tạo phúc vạn đời, nhưng không tránh khỏi đụng chạm đến lợi ích của rất nhiều người đời. Bởi vậy, tự nhiên sẽ có người vì nổi hận mất nước, hoặc vì cái oán tư lợi đã lợi dụng tất cả các lý do mà bóp méo sự thật, thậm chí thêu dệt ra câu chuyện, viết sách phỉ báng, bôi nhọ, chửi rủa ông. Hậu thế có một số người, hoặc do không rõ chân tướng, hoặc muốn mượn thời xưa châm biếm thời nay, luôn luôn lặp lại các ngôn từ bóp méo, phỉ báng này. Dần dà, Tần Thủy Hoàng trong mắt hậu thế đã trở thành danh từ thay cho “bạo quân”, “Đốt sách chôn Nho” cũng trở thành danh từ thay cho “hủy hoại lịch sử, văn hóa”. Thực ra đó đều không phải là lịch sử chân thực.

Lời kết: Đệ nhất thiên cổ Hoàng đế, tượng đài cho muôn đời sau

Người đời xem lịch sử thường bỏ qua một sự thật căn bản là: Lịch sử do Sáng Thế Chủ và chúng Thần ở các tầng thứ khác nhau an bài, mà không phải nhân loại sáng tạo ra. Thành bại hưng suy, thủy đều có nhân duyên.

Tần Thủy Hoàng ứng vận mà sinh, nhất thống thiên hạ, đem chúng sinh một thiên triều đến kết duyên với xứ Thần Châu, đồng thời đã thanh lý hoàn cảnh, đặt định cơ sở để hồng truyền chính Đạo chốn nhân gian.

Tần Thủy Hoàng trong thời gian ngắn trị trăm mối loạn, kết thúc mấy trăm năm chiến loạn, “binh chinh thiên hạ, vương giả trị quốc”, lập nên Đại Tần nhất thống giang sơn, sáng lập ra “Hoàng quyền” đầu tiên ở Thần Châu. Tần Thủy Hoàng sau khi nhất thống thiên hạ, ngựa không thả ở Nam Sơn, binh khí không nhập kho, mà tiếp tục Nam chinh Bắc phạt, thu dung Bách Việt, mở mang cương thổ, ngăn chặn Hung Nô, xây dựng Trường Thành, bảo hộ và hoằng dương văn hóa Thần truyền Trung Hoa; lại phế bỏ chế độ phân phong, đặt ra các quận huyện, xây dựng nền tảng cho các hoàng triều trăm đời; thực hiện chuẩn mực đạo đức phép tắc chung, chữ viết chung, dựng xây thể chế văn hóa nghìn năm. Lấy quan lại làm thầy, lấy pháp luật giáo hóa dân chúng, chỉnh sửa phong tục tập quán của dân, giáo hóa chúng sinh. Phong Thiện kính Trời, bản thân dốc sức thực hiện, hồng dương tu luyện. Đốt hết rác rưởi của bách gia chư tử, chôn bộn thuật sĩ lừa người dối đời, phục hưng xây dựng sơn hà từ đồng đổ nát thời Xuân Thu, gây dựng bách nghiệp, thu xếp chỉnh đốn chỉnh tề.

Tần Thủy Hoàng hùng tài đại lược, đã sáng lập ra vô số cái nhất trong lịch sử, đã dựng lên vô số bia đá. Quả thực rất xứng với danh hiệu “Đệ nhất thiên cổ Hoàng đế”.

Nhân đức cũng thế, mà tàn bạo cũng thế, chuyện Thủy Hoàng Đế quét sạch sáu nước với khí thế gió thổi mây tàn đã chấn động xưa nay. Thành cũng vậy, mà bại cũng vậy, Thủy Hoàng Đế xuống biển cầu Tiên, tìm phép trường sinh cũng đã lưu truyền kim cổ. Tự cổ bao nhiêu chuyện, đều trong sự an bài!

(Hết toàn văn)

Các sách tham khảo chủ yếu:

Đạo đức kinh, Lý Nhĩ, thời Xuân Thu
Tả truyện, Tả Khâu Minh, thời Xuân Thu
Sử ký – Tần Thủy Hoàng bản kỷ, Tư Mã Thiên, thời Hán
Tân liệt quốc chí, Phùng Mộng Long, thời Minh
Đông chu liệt quốc chí, Sái Nguyên Phóng, thời Thanh
Sử ký – Phong Thiệu thư, Tư Mã Thiên, thời Hán
Hậu Hán thư – Ban bưu truyện, Phạm Diệp, thời Nam triều
Thi – Tiểu Nhã – Bắc Sơn, không rõ tác giả, thời Tiên Tần
Thập di ký, Vương Gia, thời Tấn
Liệt tiên truyện, Lưu Hướng, thời Hán
Cao sĩ truyện, Hoàng Phủ Mật, thời Tấn
Vinh thành huyện chí, Lý Thiên Chất, thời Thanh
Tam tề lược ký, Phục Sâm, thời Tấn

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hân



Hốt Tất Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch

